**Tuần 1:**

**Ngày soạn:29 /9 /202478**

**Ngày dạy:**

## **PHẦN I: TRỒNG TRỌT**

# CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỌT

## **TIẾT 1 - BÀI 1: NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

* *Tự chủ và tự học*: chủ động, tích cực tìm hiểu về vai trò, đặc điểm, triển vọng của nông nghiệp Việt Nam,
* *Giao tiếp và hợp tác*: biết sử dụng ngôn ngữ trong trồng trọt để thảo luận, trao đổi, trình bày thông tin, ý tưởng về những vấn đề liên quan đến vai trò, triển vọng của trồng trọt, đặc điểm một số nghề trồng trọt.
* Nhận thức công nghệ nhận thức nội dung cơ bản về vai trò, triển vọng của trồng trọt, đặc điểm của một số nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.
* *Giao tiếp công nghệ:* biết được một số thuật ngữ về trồng trọt.

**2. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ* thích tìm tới tài liệu để mở rộng hiểu biết về ngành trong trồng trọt, có ý thức vận dụng kiến thức kĩ năng về lĩnh vực trồng trọt trong cuộc sống,
* *Trách nhiệm:* sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về nghề trồng trọt ở Việt Nam

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về nghề trồng trọt ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Hãy kể về việc tạo ra một sản phẩm trồng trọt (như lúa, ngô, bắp, xoài,...).

- GV đặt câu hỏi dẫn dắt gợi ý cho HS: *Các sản phẩm đó có từ đâu? Sản phẩm từ cây trồng có vai trò gì trong sản xuất và đời sống của con người? Để sản xuất ra chúng (trồng cây thu sản phẩm), em cần có những kiến thức, kĩ năng gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

*+ Các sản phẩm trồng trọt như lúa, ngô, xoài, cam,… có từ các loại cây trồng của các loại cây lúa, ngô, xoài, cam,…*

*+ Sản phẩm từ cây trồng có vai trò quan trọng đối với đời sống và sản xuất của con người.*

*+ Để sản xuất ra chúng, em cần có những kiến thức, kĩ năng về ngành trồng trọt các loại cây đó.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Ngoài những loại cây trồng mà các em kể trên còn rất nhiều các loại cây trồng khác ở địa phương em. Vậy để biết thêm về các loại cây trồng cũng như vai trò của các loại cây đó nói riêng, ngành trồng trọt nói chung, thì chúng ta cùng tìm hiể nội dung **bài 1: Nghề trồng trọt ở Việt Nam.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được vai trò của trồng trọt ở nước ta.

**b. Nội dung:** vai trò của trồng trọt

**c. Sản phẩm học tập:** vai trò của trồng trọt ở Việt Nam

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.1 và đặt câu hỏi:   * Trồng trọt đem lại những lợi ích như thế nào đối với đời sống và sản xuất? * Kể thêm về một số sản phẩm trong trồng trọt? * Trồng trọt ở nước ta hiện nay đang thể hiện tốt vai trò nào?   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát Hình 1.1 SGK tr.6 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi:  + Lợi ích trồng trọt đối với sản xuất và đời sống con người:   * Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. (rau, củ, quả) * Cung cấp thức ăn cho chăn, nuôi  (ngô, rau, cám gạo,..) * Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp ( đay, bông, tơ lụa,..) * Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu ra nước ngoài, giúp gia tăng kinh tế.   + Các sản phẩm khác của trồng trọt: cây ăn quả lúa gạo, sắn, rau, trái cây, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè; rau cải, rau muống, lạc,...  + GV khuyến khích HS kể các sản phẩm từ trồng trọt đã và đang được xuất khẩu.  + GV giới thiệu thêm thông tin về thành tựu xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong SGK. *(năm 2020, VN đứng đầu thế giới xuất khẩu hồ tiêu, đứng thứ 2 xuất khẩu cà phê, đứng thứ 3 xuất khẩu gạo).*  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Ngành trồng trọt có vai trò chính cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, thức ăn cho vật nuôi, nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tạo việc làm cho người lao động.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vai trò, triển vọng vủa trồng trọt ở Việt Nam**  ***1.1. Vai trò vủa trồng trọt ở Việt Nam***  Trồng trọt có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống của con người:  - Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người như: gạo, ngô , khoai, sắn, rau, củ, quả,...,  - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp như: mía, cà phê, đay, bông,  - Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi như ngô, khoai, sắn, rau xanh,  - Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu như gạo, cà phê, chè, hồ tiêu,  - Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động;  - Tạo môi trường sống trong lành cho con người. |

**Hoạt động 2: Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được triển vọng của trồng trọt ở nước ta

**b. Nội dung:** một số triển vọng của trồng trọt ở nước ta

**c. Sản phẩm học tập:** triển vọng vủa trồng trọt ở Việt Nam.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV tổ chức cho HS quan sát Hình 1.2 về một số triển vọng của trồng trọt và trả lời câu hỏi:   * Lĩnh vực trồng trọt có triển vọng phát triển như thế nào? * Vì sao lĩnh vực trồng trọt lại hướng đến hình thành các vùng chuyên canh cây trồng?   + GV phân tích từng lãnh ảnh trong Hình 1.2 của SHS.  +GV đưa thêm một số hình ảnh khác để gợi mở và giúp HS phân tích thêm về triển vọng của trồng trọt.  + GV yêu cầu HS trả lừoi câu hỏi: *Vì sao trồng trọt ở nước ta cần cơ cấu lại cây trộng theo quy mô lớn?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 1.2 SGK tr.7 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  GV gợi ý:Tạo điều kiện thuận lợi cho việc canh tác, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học kĩ thuật  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  Những biện pháp được mình họa ở Hình 1.2 giúp lĩnh vực trồng trọt phát triển:   * Trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAp: nâng cao chất lượng sản phẩm ( sạch, ngon, nhiều chất dinh dưỡng..) * Hiện đại hóa trồng trọt: áp dụng máy móc vào trong trồng trọt giúp nâng cao năng suất sản phẩm. * Cơ giới hóa trồng trọt: thúc đẩy phát triển hiệu quả và bền vững nông nghiệp. * Trồng trọt theo vùng chuyên canh: tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.   Lĩnh vực trồng trọt lại hướng đến hình thành các vùng chuyên canh cây trồng vì:   * Do thời tiết, khí hậu từng vùng phù hợp với các loại cây trồng khác nhau. * Tạo điều kiện phát triển nông nghiệp ở quy mô lớn.   => Giúp mang lại hiệu quả kinh tế cao.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV yêu cầu HS nêu tiêu chuẩn mà trồng trọt ở Việt Nam hướng đến, từ đó giải thích về *tiêu chuẩn VietGAP: là tiêu chuẩn kiểm định nghiêm ngặt về đất, phân bón, giống cây trồng,… để tạo ra sản phẩm an toàn.*  + GV gợi ý thêm, dẫn dắt HS tìm hiểu về tiêu chuẩn quốc tế trong trồng trọt: tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn GlobalG.A.P, tiêu chuẩn hữu cơ của Việt Nam, …  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Trồng trọt ở Việt Nam có triển vọng phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng canh tác đạt chuẩn để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.* | ***1.2. Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.***  - Trồng trọt ở Việt Nam có triển vọng phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng canh tác đạt chuẩn:  + Trồng trọt chuyển dần sang hình thức các vùng chuyên canh cây trồng, áp dụng khoa học công nghệ.  + Xu hướng canh tác theo tiêu chuẩn VietGap ngày càng mở rộng để tạo ra sản phẩm đạt chuẩn cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. |

**Hoạt động 3:Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được điểm điểm một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt

**b. Nội dung:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt

**c. Sản phẩm học tập:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt ở nước ta.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS quan sát Hình 1.3 SGK và chia 6 nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn trong 5 phút. Yêu cầu các nhóm:   * Kể tên các nghề trong trồng trọt được minh hoạ trong hình và kể thêm một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt. * Lĩnh vực trồng trọt tạo những việc làm nào cho người lao động?   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn trong thời gian 5 phút.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  + Hình a lao động trồng, thu hoạch chè;  + Hình b lao động trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ,  + Hình c nhà nuôi cấy mô thực vật.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực trồng trọt: nhà trồng trọt, nhà nuôi cấy mô thực vật, nhà bệnh học thực vật, nhà tư vấn làm vườn,…* | **2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt**  ***2.1. Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt***  - Nhà trồng trọt: là người làm việc liên quan đến cây trồng như nghiên cứ giống cây trồng, kĩ thuật canh tác, chắc sóc cây trồng,…  - Nhà nuôi cấy mô: là người làm việc liên quan đến nhân giống câu trồng  - Nhà bệnh học thực vật: là người làm việc liên quan đến bảo vệ cây trồng như nghiên cưú cachs phòng trừ sâu, bệnh,…  - Kĩ thuật viên lâm nghiệp: là người làm việc liên quan đến cây rừng như giám sát, hỗ trợ nghiên cứu lâm nghiệp,… |

**Hoạt động 4: Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu đối với người lao dodonjg trong lĩnh vực trồng trọt, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.

**b. Nội dung:** phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong trồng trọt.

**c. Sản phẩm học tập:** các yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, nhận thức sự phù hợp của bản thân vơí các nghề trong trồng trọt.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  + GV yêu cầu HS thảo luận 6 nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn trong thời gian 3 phút.  + GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 1.4 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Để làm được các công việc trong Hình 1.4, người lao động cần có những kiến thức và kĩ năng như thế nào?*  *+ Bản thân em phù hợp với nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt? Tại sao?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 1.4 SGK tr.8 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV giới thiệu thêm thông tin về trồng trọt hiện đại thu hút sự tham gia của nhiều ngành nghề chuyên sâu như cơ khí, tự động hoá nông nghiệp,... giúp HS thấy cơ hội việc làm trong ngành trồng trọt.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Người lao động cần có kiến thức về trồng và chăm sóc cây trồng, có khả năng sử dụng máy móc thiết bị trong trồng trọt và có sức khoẻ, tính thần, trách nhiệm đối với nghề nghiệp.* | ***2.2. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt***  Trong lĩnh vực trồng trọt, người lao động cần đáp ứng các yêu cầu sau:  + Có kiến thức đầy đủ về khí hậu, tính chất đất trồng, đặc điểm sinh trưởng, phát triển của cây trồng, các phương pháp nhân giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng;  + Có kĩ năng trồng, chăm sóc cây trồng, thu hoạch sản phẩm; sử dụng, bảo quản tốt các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực trồng trọt,  + Có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, cần cù và đủ sức khoẻ để đáp ứng yêu cầu theo từng công việc trồng trọt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức về vai trò của trồng trọt và nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập và Ghi nhớ trong SGK tr.9.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập và ghi nhớ trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

**Câu 1**. Hãy kể ba sản phẩm trồng trọt mà gia đình em sử dụng. Mỗi sản phẩm thể hiện vai trò nào của trồng trọt?

**Câu 2**. Quan sát Hình 1.5, cho biết mỗi hoạt động minh hoạ nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SGK.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: *Các loại lương thực, rau, của, quả có từ đâu? Để sản xuất ra chúng, em cần có những kiến thức và kĩ năng gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi và nhắc nội dung ghi nhớ.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1**: Ba sản phẩm trồng trọt, gia đình em sử dụng:

* Lúa: cung cấp lương thực.
* Mía : cung cấp thực phẩm.
* Hoa giấy: làm cảnh

**Câu 2:**

* Hình 1.5a: Nghề đốn củi, làm gỗ
* Hình 1.5b: Nông dân, trồng lúa
* Hình 1.5c: Nhà làm vườn, trồng cây cảnh

- Ghi nhớ trong SGK trang 9.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK. Tr8

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK.tr8

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Địa phương em phát triển những nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt? Những nghề đó tác động như thế nào đến kinh tế của địa phương em?

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà: *HS nêu lên ba ngành nghề trong lĩnh vực trồng trọt phổ biến ở địa phương và đưa ra nhận xét về tác động của những ngành nghề đó đến nền kinh tế địa phương qua các mặt: tạo việc làm, cung cấp sản phẩm cho đời sống, cung cấp sản phẩm cho sản xuất, xuất khẩu thu ngoại tệ,...*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 2: Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam.*

**Ký duyệt, ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn.**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 2:**

**Ngày soạn:…/…/2024**

**Ngày dạy**:....................................................................................................................

## **TIẾT 2 - BÀI 2: CÁC PHƯƠNG THỨC TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

* *Tự chủ và tự học*: biết chủ động, tích cực tìm hiểu về các nhóm cây trồng, phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao, biết thực hiện tốt phần việc của bản thân và của nhóm phân công, vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học … vào trồng trọt,
* *Giao tiếp và hợp tác:* hiểu rõ nhiệm vụ nhóm, đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân, biết sử dụng ngôn ngữ để thảo luận.
* *Nhận thức công nghệ*: nhận biết được các nhóm cây trồng, các phương thức trồng trọt và đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao,
* *Giao tiếp công nghệ*: đọc được một số thuật ngữ dùng trong trồng trọt,
* *Đánh giá công nghệ* đưa ra được nhận xét, đánh giá mô hình trồng trọt và ứng dụng công nghệ cao.

**2. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về phương thức trồng trọt và ứng dụng trồng trọt công nghệ cao trong cuộc sống
* *Trách nhiệm:* sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính,
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học chuẩn bị tranh ảnh hoặc đoạn video clip về:

+ Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam,

+ Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam,

+ Đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Mỗi nhóm phân công chuẩn bị: hình ảnh, video về vườn cây của gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cây trồng và phương thức trồng trọt tại Việt Nam.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS có nhu cầu tìm hiểu các cây trồng và phương thức trồng phổ biến hiện nay ở nước ta.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ GV đặt ra tình huống ở phần Mở đầu: *Bác A đang muốn trồng 2 giống cây là ngô và đỗ xanh. Em hãy giới thiệu cho bác A một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.*

+ GV yêu cầu HS trình bảy về một số cách trồng cây ngô và đỗ xanh.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

*Bác A đang muốn trồng 2 giống cây là ngô và đỗ xanh theo phương thức:*

*+ Xen lẫn ngô và đậu xanh*

*+ Chỉ trồng ngô hoặc trồng đậu xanh*

*+ Vụ thứ nhất trồng ngô; vụ thứ hai trông đậu xanh.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ GV cho HS quan sát một số hình ảnh về các phương thức trồng trọt.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Qua các phương thức trồng ngô và đậu xanh của bác A, để hiểu rõ hơn các phương thức đó chúng ta đi vào **bài 2: Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS kể được một số nhóm cây trồng ở nước ta

**b. Nội dung:** các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam

**c. Sản phẩm học tập:** các nhóm cây trồng phổ biến.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV minh hoạ Hình 2.1 trong SGK và chia thành 6 nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn, yêu cầu HS các nhóm trả lời câu hỏi: *Các loại cây trong Hình 2.1 thuộc những nhóm cây trong nào?*  + GV yêu cầu HS *liệt kê các giống cây trồng ở địa phương. Vì sao địa phương em lại trống được loại cây đó? Vì sao mỗi vùng miền lại có những loài cây đặc trưng hoặc những giống cây trồng khác nhau?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SGK, quan sát Hình 2.1 SGK tr.10 và trả lời câu hỏi.  + GV minh hoạ thêm một số hình ảnh cây trồng ở địa phương và dẫn dắt HS phân - loại cây trồng vào từng nhóm.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời về vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV cung cấp cho HS thông tin về các vùng trồng lúa đang bị thiệt hại do sự biến đối khí hậu như hạn mặn, để biết sự thay đổi nhóm cây trồng đặc trưng ở từng vùng theo điều kiện biến đổi khí hậu.  + GV giới thiệu thêm thông tin về thành tựu xuất khẩu gạo của Việt Nam: là một trong các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới. Năm 2019, giống lúa ST25 của Việt Nam được Hội nghị Thương mại Gạo thế giới lần thứ 11 (tại Manila, Philippines) công nhận là giống lúa ngon nhất thế giới.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Các nhóm cây trồng chủ yếu của Việt Nam nhóm cây lương thực, cây lấy củ, cây ăn quả, cây rau và đỗ các loại, cây công nghiệp, hoa và cây cảnh.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam**  - Nhóm cây lương thực: như lúa, ngô, khoai, sắn,…  - Nhóm cây lấy củ có các loại khoai lang, sắn khoai môn, khoai tây, cà rốt,...  - Nhóm cây ăn quả, như nhãn, vải, xoài, cam,….  - Nhóm cây rau, đỗ các loại: Rau gồm các loại như rau muống, mồng tơi, cải xanh, cải bó xôi,... và các loại rau gia vị như: rau răm, húng quế, thì là,... Đỗ gồm các loại như: đỗ xanh, đỗ tương, đỗ đen,...  - Nhóm cây công nghiệp: Một số cây công nghiệp được trồng phổ biến như chè, cà phê, cao su, hồ tiêu, điều,... mang lại giá trị kinh tế cao.  - Nhóm hoa và cây cảnh: đào, mai, cúc,... |

**Hoạt động 2: Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp trình bày được các phương thức trồng trọt phổ biến tại Việt Nam

**b. Nội dung:** các phương thức trồng trọt độc canh, xen canh, luân canh, tăng vụ

**c. Sản phẩm học tập:** các phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS quan sát Hình 22 , chia lớp thành 8 nhóm và yêu cầu nhóm HS thảo luận trong thời gian 3 phút:  **Nhóm chuyên gia**:  + N1,2: Nêu đặc điểm của phương thức độc canh  + N3,4: Nêu đặc điểm của phương thức xen canh  + N5,6: Nêu đặc điểm của phương thức luân canh  + N7,8: Nêu đặc điểm của phương thức tăng vụ  **Nhóm mảnh ghép**: di chuyển theo sơ đồ sau và thảo luận trong 5 phút trả lời câu hỏi: **Nêu đặc điểm các phương thức trồng trọt ở nước ta?**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:   * Điểm khác nhau giữa trong độc canh và trồng xen cạnh là gì? * Luân ca có gì khác so với độc canh và xen canh? * Hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của từng phương thức trồng trọt. * Số vụ gieo trồng trong năm phụ thuộc vào những yếu tố nào?   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 2.2 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV dẫn dắt để HS nêu lên được ưu và nhược điểm của từng phương thức trồng trọt.  + Gợi ý. Số vụ trong năm tuỳ thuộc vào thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch của mỗi loại cây. Thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch của một loại cây trồng sẽ tuỳ thuộc vào những yếu tố như thời gian sinh trưởng, phát triển của giống cây trồng, điều kiện sống của cây trồng và phương thức canh tác loại cây trồng đó.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV nêu ví dụ về phương thức trồng tăng vụ và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS;  GV giới thiệu thêm về phương thức canh tác đối với trồng trọt công nghệ cao trong SHS.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  *+ Độc canh là phương thức canh tác chỉ trong chuyên một loại cây.*  *+ Luân canh, xen canh là phương thức canh tác tử hai loại cây trở lên trên cùng diện tích,*  *+ Tăng vụ là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích.* | **2. Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam**  a. ***Độc canh*** là phương thức canh tác chỉ trong một loại cây duy nhất. Nếu thực hiện trong điều kiện tự nhiên qua nhiều năm, phương thức độc canh có thể làm giảm độ phì nhiêu của đất và tăng sự lây lan của sâu, bệnh.  b. ***Xen canh*** là hình thức canh tác hai hay nhiều loại cây trong trên cùng một diện tích, cùng một lúc hoặc cách một khoảng thời gian không dài. Xen canh giúp tận dụng diện tích đất, chất dinh dưỡng và ánh sáng.  c. ***Luân canh*** là phương thức gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích. Luân canh làm tăng độ phi nhiêu, điều hoà chất dinh dưỡng cho đất và giảm sâu, tot (tro bệnh cho cây.  d. ***Tăng vụ*** là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích đất trồng trong một năm. Tăng vụ giúp tăng tổng sản lượng thu hoạch. |

**Hoạt động 3: Trồng trọt công nghệ cao**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.

**b. Nội dung:** những ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt.

**c. Sản phẩm học tập:** các đặc điểm dể nhận biết trồng trọt công nghệ cao.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu: *Quan sát hình 2.3 và kể tên các phương pháp trồng trọt công nghệ cao*. *Ứng dụng công nghệ cao trong mỗi trường hợp trong hình mang lại lợi ích gì trong trồng trọt?*  + GV liên hệ với phương thức trồng tăng vụ để nêu đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Ưu điểm và nhược điểm của trồng trọt công nghệ cao là gì?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 2.3 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. + GV dẫn dắt để HS nêu các đặc điểm nhận biết mô hình trồng cây ứng dụng công nghệ cao sử dụng các thiết bị tiên tiến, các kỹ thuật hiện đại, giống cây trồng mới năng suất cao, quy trình quản lí tự động.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Trồng trọt công nghệ cao là ứng dụng các quy trình, kỹ thuật, giống cây, công cụ, thiết bị tiên tiến nhằm mang lại hiệu quả cao.* | **3. Trồng trọt công nghệ cao**  - Trồng trọt công nghệ cao được ứng dụng kết hợp những công nghệ mới, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.  - Trồng trọt công nghệ cao có một số đặc điểm cơ bản sau:  + Ứng dụng các quy trình canh tác tiên tiến, canh tác hữu cơ, công nghệ sinh học...;  + Sử dụng các giống cây trồng cho năng suất, chất lượng cao, ng cao.  + Ứng dụng các thiết bị và các quy trình quản lí tự động hoá. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu kiến thức về nhóm cây trồng, các phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK và ghi nhớ sgk.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

**Câu hỏi 1.** Giả sử có một khuôn viên để trồng cây ở gia đình, em dự định trồng nhóm cây nào, loại cây nào? Với những loại cây đã chọn em sẽ trồng theo phương thức trồng trọt nào?

**Câu hỏi 2.** Quan sát Hình 2.4, cho biết hình ảnh nào thể hiện trồng trọt công nghệ cao? Vì sao?

**Câu hỏi 3.** Em hãy kể về các ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt mà em từng thấy hoặc từng trải nghiệm.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức via học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS .

+ GV yêu cầu HS trả lời vấn đề được đặt ra ở phần Khởi động: ***Em hãy giới thiệu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu hỏi 1:**

Nếu có một khuôn viên để trồng cây ở gia đình, em dự định trồng nhóm cây rau. Em muốn trồng các loại cà chua, rau húng, rau mùi; các loại rau cải, xà lách, đậu ve và các loại cây tía tô, kinh giới, ớt, húng lủi; trồng cây dây leo: mướp, su su, hoa thiên lý. Với những loại cây em đã chọn ở trên, em trồng theo phương thức luân canh, tăng vụ.

**Câu hỏi 2:**

* Hình 2.4b: Trồng thủy canh
* Hình 2.4c: Hệ thống tưới tiêu tự động

**Câu hỏi 3:**

* Vòi phun nước tự động tưới nước tự động ở các công viên giải trí: hệ thống tưới tiêu tự động khi trồng rau.
* Mô hình trồng rau trong hệ thống nhà kính : khí hậu trong nhà kính có thể điều chỉnh được, ít sâu bọ..

- HS đọc ghi nhớ trong SGK.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức: mô hình trồng thuỷ canh, khí canh,…

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống về phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao ở địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Địa phương em có những loại cây trồng nào phổ biến? Những phương thức canh tác và ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt được áp dụng ở địa phương em như thế nào?*

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

+GV gợi ý, hướng dẫn HS tim hiểu để thực hiện câu hỏi ở phần Vận dụng trong SHS.

+ GV dẫn dắt HS phân tích việc ứng dụng phương thức trồng trọt và ứng dụng công nghệ cao ở địa phương.

***Ví dụ***

• Địa phương được ứng dụng trồng trọt công nghệ cao như thế nào?

• Ứng dụng ở mức độ nào?

• Ứng dụng công nghệ cao có mang lại hiệu quả không

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 3: Quy trình trồng trọt.*

**Ký duyệt, ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn.**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 3 ,4, 5 :**

**Ngày soạn:…/…/2024**

**Ngày dạy**:....................................................................................................................

## **TIẾT 3, 4, 5 - BÀI 3: QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

* *Tự chủ và tự học*: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập, tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trồng trọt hiệu quả,
* *Giao tiếp và hợp tác*: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để thảo luận, trao đổi, trình bảy những vấn đề về trồng trọt.
* Nhận thức công nghệ nhận biết được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong trồng trọt,
* Giao tiếp công nghệ sử dung được một số thuật ngữ để trình bảy về quy trình trồng trọt,
* Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá được các bước trong quy trình trồng trọt.

**2. Phẩm chất**

*- Chăm chỉ:* có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt vào cuộc sống,

*- Trách nhiệm:* quan tâm đến công việc trồng trọt ở gia đình, địa phương để để xuất cách làm hợp lí trong trồng trọt cho gia đình, địa phương,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy. SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học tranh ảnh hoặc đoạn video clip về từng bước trong quy trình làm đất.
* Phân bố bài giảng :

+ Tiết 3 : Mục 1,2.

+ Tiết 4 : Mục 3,4 .

+ Tiết 5 : Mục 5.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.

- Tìm hiểu về quy trình trồng trọt đang thực hiện ở gia đình hoặc địa phương, - Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị: hình ảnh của từng công việc trong quy trình trồng trọt theo phân công của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cây trồng

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu quy trình trồng trọt.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu tình huống ở phần mở đầu: *Em về quê thăm bác và muốn giúp bác trồng cây. Công việc trồng cây phải thực hiện theo trình tự thế nào nhỉ?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

*Các công việc trồng cây như: xới đất, bón phân, trồng cây, tưới nước, thu hoạch.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Qua tình huống mở đầu, để trồng cây chúng ta cần thực hiện các công việc như thế nào? Cùng tìm hiểu **bài 3: Quy trình trồng trọt.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị đất**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.

**b. Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng

**c. Sản phẩm học tập:** các bước chuẩn bị đất trồng

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.1 trong SHS và chỉ ra các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đất trồng?  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.2 trong SHS và trả lời câu hỏi: Nếu đất trồng không được chuẩn bị tốt thì vụ mùa sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  + GV yêu cầu đọc nội dung SGK và trả lời câu hỏi: Chuẩn bị đất như thế nào là đạt yêu cầu? Phân tích việc chuẩn bị đất trồng và yêu cầu cần đạt của từng công việc.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát Hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + Gợi ý: Vụ mùa sẽ phát sinh sâu, bệnh (mầm mống sâu, bệnh trong đất trồng) và đất trồng không được cải tạo phù hợp với loại cây trồng dẫn đến cây sinh trưởng, phát triển kém hoặc chết.  + GV lưu ý. Sâu hại có trong bụi rậm, trong đất vì vậy cần phát quang bụi rậm, cây đất, ngâm đất, phơi đất để diệt mầm mống sâu hại.  +GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc làm đất.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời về vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Chuẩn bị đất trồng nhằm đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt. Chuẩn bị đất trồng được thực hiện theo trình tự: xác định diện tích đất trồng -> vệ sinh đất trồng -> làm đất và cải tạo đất.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Chuẩn bị đất trồng**  - Mục đích: Nhằm đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt.  - Các bước chuẩn bị đất trồng:  + Bước 1: Xác định diện tích đất trống: xác định được diện tích đất dự tính trồng cây.  + Bước 2: Vệ sinh đất trồng:   * Tàn dư cây trồng đã được thu dọn * Đất sạch cỏ dại   Bước 3: Làm đất và cải tạo đất:   * Đất được trộn đều, tơi xốp, thoáng khí, bằng mặt * Luống thẳng, phẳng có rãnh thoát nước, tiêu độc. Khoảng cách giữa các mô phù hợp với loại cây trồng. * Đảm bảo đủ dinh dưỡng cho cây con bén rễ. * Đảm bảo đất được khử phèn, khử mặn. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị giống cây trồng**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng.

**b. Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật các bước chuẩn bị giống cây trồng

**c. Sản phẩm học tập:** mục đích, trình tự, yêu cầu kĩ thuật các bước chuẩn bị giống cây trồng

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.3 và thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi trong SHS:  •Nhóm 1,2,3: Cho biết cây con nào không nên chọn để trồng. Vì sao?  • Nhóm 4,5,6: Giả sử vẫn sử dụng cây con bị sâu hại thì nên xử lí như thế nào trước khi trồng?  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.4 trong SHS và trả lời câu hỏi: Hạt lúa ở Hình 3.4a hay 3.4b có thể gieo trồng ngay? Vì sao?  + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc chuẩn bị giống cây trồng.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 3.3, 3.4 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV phân tích hình ảnh và giải thích cách xử lí cây con bị sâu hại trước khi trồng  + Gợi ý. Hạt giống Hình 3.4a chưa được xử li (ngâm ủ) nên khả năng nảy mầm kém.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  +GV giới thiệu thêm thông tin về thời gian ngâm ủ hạt trong SHS: thời gian ngâm ủ dài hay ngắn phục thuộc vào giống cây trồng. Đối với cây dễ nảy mầm và điều kiện thích hợp có thể không cần ngâm ủ trước khi gieo.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Chuẩn bị giống có mục đích đảm bảo hạt giống, cây con khoẻ mạnh, sạch sâu, bệnh, đủ số lượng giống để gieo trồng trên diện tích đất đã chuẩn bị trước. Việc chuẩn bị giống được thực hiện theo trình tự: lựa chọn hạt giống để gieo trồng — xử lí hạt giống trước khi gieo trồng – kiểm tra số lượng hạt giống, cây con.* | **2. Chuẩn bị giống cây trồng**  - Mục đích: nhằm đảm bảo hạt giống hoặc cây con khoẻ mạnh, sạch sâu, bệnh, đủ số lượng để gieo trồng.  - Các bước thực hiện:  + Bước 1: Lựa chọn giống để gieo trồng   * Đối với hạt giống: kích thước hạt đồng đều, không bị sâu, bệnh, không lẫn với các giống khác. * Đối với cây con: cây khoẻ, đồng đều, không sâu bệnh.   + Bước 2: Xử lí giống trước khi gieo trồng:   * Đối với hạt giống: đảm bảo hạt đã hút no nước, nứt vỏ và nhú mầm * Đối với cây con: không còn cành có lá héo, gãy, thủng, biến dạng, lá bị đốm đen, đốm nâu hoặc biến dạng bất thường.   + Bước 3: Kiểm tra số lượng hạt giống/cây con. |

**Hoạt động 3: Gieo trồng**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng.

**b. Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng**.**

**c. Sản phẩm học tập:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.5, thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn và trả lời: Hãy trình bày các hình thức gieo trồng cây được minh hoạ ở Hình 3.5.  + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của khâu gieo trồng.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, quan sát Hình 3.5 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Các hoạt động gieo trồng có mục đích giúp cây được trồng ở điều kiện khí hậu, mật độ thích hợp. Gieo trồng được thực hiện trình tự: xác định thời vụ, phương tiện, cách thức gieo trồng -> kiểm tra hạt giống hoặc cây giống và đất trồng -> tiến hành gieo trồng.* | **3. Gieo trồng**  - Mục đích: gieo đúng thời vụ, đúng kĩ thuật để cây được trồng ở điều kiện khí hậu, mật độ thích hợp, giúp cây phát triển thuận lợi, đạt năng suất cao.  - Các bước gieo trồng:  + Bước 1: Xác định thời vụ, phương tiện, các thức gieo trồng:   * Thời vụ gieo trồng phải phù hợp với hạt giống, cây con dự định trồng * Xác định được phương tiện, cách thức dự định trồng.   + Bước 2: Kiểm tra hạt giống hoặc cây con và đất trồng   * Hạt giống/cây con phải khoẻ, không sâu, bênh và hạt đã được ngâm ủ (nếu cần) * Đất đủ ẩm, tơi xốp.   + Bước 3: Tiến hành gieo trồng   * Khoảng cách đều nhau * Độ sâu khi đặt hạt giống/cây con phải phù hợp với giống cây. |

**Hoạt động 4: Chăm sóc cây**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.

**b. Nội dung:** mục đích, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.

**c. Sản phẩm học tập:** mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.6 và thảo luận theo cặp đôi trả lời các câu hỏi: So sánh sự phát triển của hai cây trong Hình 3.6. Vì sao cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng lại có thể phát triển khác nhau?  + GV yêu cầu HS quan sát hình tỉa, dặm lúa (Bảng 3.4) trong SHS và trả lời câu hỏi: *Vì sao cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng?*  + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của chăm sóc cây trồng.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Khi chăm sóc cây trồng cần áp dụng những biện pháp nào để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 3.6 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý 1. Cùng một giống cây nhưng có những cây có khả năng phát triển tốt, có cây có sức sống kém. Vì vậy khi trồng cây phải lựa chọn giống cây con khoẻ mạnh như nhau để đối chiếu với việc chăm sóc, nếu không kết quả có khi không như mong muốn.  Gợi ý 2: Việc tỉa, dặm xuất phát từ những nguyên nhân như gieo hạt không đều, hạt không nảy mầm do ngập úng, cây chết sau một thời gian nảy mầm hoặc do các loài sinh vật gây hại.  + GV gợi mở giúp HS tìm hiểu về yêu cầu kĩ thuật tương ứng với từng công việc chăm sóc cây trồng.  + GV lưu ý thêm: Việc tưới, tiêu nước, theo dõi để phát hiện phòng, trừ sâu, bệnh hại phải được thực hiện trong suốt quá trình từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Chăm sóc cây trồng cỏ mục đích nuôi dưỡng, bảo vệ, phỏng trả các yếu tố gây hại cho cây trồng. Chăm sóc cây trồng gồm các công việc: tia, dặm, làm cỏ, vun xới, bón phân, tưới nước, tiêu nước, phỏng, trừ sâu, bệnh cho cây.* | **4. Chăm sóc cây**  - Mục đích: nhằm nuôi dưỡng, bảo vệ, phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây như tưới nước, bón phân, vun, xới, tỉa, dặm, diệt cỏ dại và phòng trừ sâu, bệnh cho cây.  - Các công việc chăm sóc cây:  + Tỉa, dặm cây: đảm bảo khoảng cách giữa các hàng, các cây và mật độ cây.  + Làm cỏ, vun xới: đất sạch cỏ, không có sâu, bệnh; đất tơi xốp.  + Tưới nước, tiêu nước: Tươi nước đầy đủ và kịp thời; tiêu nước kịp thời và nhanh chóng.  + Phòng trừ sâu, bệnh: cây không bị sâu, bệnh. |

**Hoạt động 5: Thu hoạch**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của việc thu hoạch cây trồng.

**b. Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật trong thu hoạch sản phẩm cây trồng

**c. Sản phẩm học tập:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước thu hoạch

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 3.7 và trả lời yêu cầu: *Nêu phương pháp thu hoạch tương ứng với mỗi hình?*  + GV yêu cầu HS kể thêm một số phương pháp thu hoạch.  + GV yêu cầu HS kể về một số loại cây đang trồng ở địa phương và cách thu hoạch tương ứng.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Vì sao mỗi loại cây trồng lại có phương pháp thu hoạch khác nhau?*  + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc thu hoạch cây trồng.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 3.7 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý. Do đặc điểm cho sản phẩm của từng loại cây trống và nhu cầu lấy sản mà có cách thu hoạch phù hợp.  + GV gợi mở giúp HS nêu được nội dung của việc thu hoạch cây trồng và tìm hiểu về yêu cầu cần đạt tương ứng với từng công việc thu hoạch.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Thu hoạch nhằm mục đích đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn. Để thu hoạch, đầu tiên cần kiểm tra sản phẩm cây trồng, sau đó tiến hành thu hoạch sản phẩm.* | **5.** **Thu hoạch**  - Mục đích: đảm bảo thu được số lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn.  - Các bước thu hoạch cây trồng:  + Bước 1: Kiểm tra sản phẩm cây trồng: cây trồng đạt kích thước, độ chín, độ tuổi,… tuỳ từng loại cây trồng.  + Bước 2: Tiến hành thu hoạch: đúng thời điểm, nhanh, hạn chế rơi vãi. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về vai trò của rừng và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK và ghi nhớ sgk.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK và ghi nhớ sgk

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Hãy ghép các công việc a,b,c,d ở hình 3.8 cho phú hợp các các chú thích:

*1. Cày đất 2. Vệ sinh đồng ruộng 3. Lên luống 4. Bón lót phân*

**-** Đọc ghi nhớ SGK.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

*Hình a – chú thích 3*

*Hình b – chú thích 1*

*Hình c – chú thích 4*

*Hình d – chú thích 2*

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

+ GV yêu cầu HS lựa chọn một loại cây trồng ngắn ngày để trồng, chăm sóc,

+ HS bảo cảo sản phẩm qua ảnh chụp hoặc sử dụng bảng theo dõi các giai đoạn phát triển của cây từ khi gieo trồng đến khi cây ra hoa, đồng thời trinh bày những lưu ý khi chăm sóc cây.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 4: Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.*

**Ký duyệt, ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn.**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 6,7 :**

**Ngày soạn:…/…/2024**

**Ngày dạy**:

## **BÀI 4: NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học* chủ động tìm hiểu về đặc điểm các loại cây trồng, chủ động vẫn dụng kiến thức, kĩ năng giảm cảnh vào việc trồng trọt của gia đình,
* *Giao tiếp và hợp tác* biết thảo luận, trao đổi những vấn đề về phương pháp giảm cảnh với HS khác, biết phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

***- Năng lực công nghệ:***

* Nhận thức công nghệ nhận biết được khái niệm nhân giống bằng phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành và quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành,
* Sử dụng công nghệ, thực hiện được quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành và áp dụng cho loại cây trồng khác ở gia đình,
* Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá được thao tác kĩ thuật trong quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng giảm cảnh trong trồng trọt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính,

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip về:

+ Một số loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giảm cảnh phổ biến ở địa phương,

+ Những trường hợp cành giâm phát triển không tốt,

+ Quy trình giâm cành đối với cây trồng (rau muống);

+Các yếu tố ngoại cảnh (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng khi giâm cành

- Chuẩn bị cho tiết thực hành

+ Dụng cụ cần thiết kéo để cắt cành và tỉa lá, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ,

+ Chuẩn bị phòng hoặc địa điểm thực hành ngoài trời,

+ Phân chia nhóm HS thực hành

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Mỗi HS phân công chuẩn bị:

+ Khoảng 5 đến 10 cây rau muống (GV có thể thay bằng loại cây khác phổ biến ở địa phương và dễ nhân giống bằng phương pháp giảm cảnh)

+ Giả thể giâm cành rau muống như 3/4 đất pha với 1/4 xơ dừa hoặc tro,...,

+ Chậu trồng có kích thước đảm bảo trồng đủ số cây với khoảng cách đều nhau,

+ Kéo để cắt cành và tỉa lá, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách thức giâm cành

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+ Yêu cầu HS kể về các phương pháp nhân giống cây trồng.*

*+ Nếu không sử dụng hạt, cây con người ta còn sử dụng phưpwng pháp nào để nhân giống?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi: Nhân giống bằng hạt giống, cây con, cành cây, hom rễ,…

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Nếu người dân không sử dụng hạt hoặc cây con thì người ta có thể sử dụng cành cây để nhân giống. Vậy làm thế nào để một đoạn cành của cây mẹ phát triển thành cây con? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung **bài 4: Nhân giống cây bằng phương pháp giâm cành.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khái niệm giâm cành**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bảy được phương pháp giảm cảnh, một số đặc điểm của các loại cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành

**b. Nội dung**: khái niệm phương pháp giâm cành, những loại cây dễ giâm cành

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành**.**

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV minh hoạ hình ảnh sự phát triển của cây trồng bằng phương pháp giâm cành ở Hình 4.1, thảo luận theo cặp và yêu cầu HS xác định bộ phận của cây được sử dụng làm nguyên liệu nhân giống.  + GV dẫn dắt HS nêu khái niệm giâm cành.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Cây tạo ra bằng phương pháp giâm cành có điểm gì so với cây được nhân giống từ hạt.  + GV minh hoa hình ảnh một số loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giảm cành ở Hình 4.2 và tổ chức cho các nhóm HS thảo luận để trả lời câu hỏi trong SHS: *Các loại cây dễ nhân giống bằng phương giâm cành trong hình có những đặc điểm gì?*  + GV yêu cầu HS kể thêm những cây trồng có cùng đặc điểm, có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát Hình 6.1 SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV minh họa hình ảnh một số loại cây  + GV dẫn dắt giúp HS nhận biết cùng một loại cây trồng có thể sử dụng được nhiều phương pháp nhân giống  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời về vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Giâm cành là phương pháp nhân giống vô tính được thực hiện bằng cách sử dụng một đoạn cành tách từ cây mẹ và trồng vào giá thể. Các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành thường có khả năng ra rễ phụ nhanh.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Khái niệm giâm cành**  - Giâm cành là phương pháp nhân giống vô tính được thực hiện bằng cách sử dụng một đoạn cành tách từ cây mẹ và trồng vào giá thể.  - Các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành thường có khả năng ra rễ phụ nhanh. |

**Hoạt động 2: Quy trình chung**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình chung giâm cành

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình chung của phương pháp giâm cành

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem video về cây trồng chịu ảnh hưởng của các điều kiện đất đai, khi hậu, ... và trả lời: *Những yếu tố nào giúp cây trồng phát triển khoẻ mạnh?*  <https://www.youtube.com/watch?v=bVLqHC45CWY>  + GV khơi gợi để HS nhận biết vai trò quan trọng của kĩ thuật giâm cành đối với sự phát triển của cành giâm.  + GV giải thích thêm về yếu tố thời vụ trong giâm cành nhằm đảm bảo cho cây phát triển tốt.  + GV minh hoạ Hình 4.3 trong SHS, yêu cầu HS sắp xếp các công việc nhân giống cây trồng theo thứ tự phù hợp:  + GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với bốn bước của quy trình.  + Nhóm 1: Chuẩn bị giá để giâm cành  + Nhóm 2: Chuẩn bị giâm cành  + Nhóm 3: Giâm cành vào giá thể  + Nhóm 4: Chăm sóc cành giâm.  + GV cho HS xem hình ảnh và giải thích lí do vì sao đoạn cành giâm nên cắt vát và tỉa bớt lá?  + GV minh hoạ các cách cắm cành giâm khác nhau, yêu cầu HS hoàn thành yêu cầu trong SHS: *Cho biết ưu và nhược điểm của từng cách cắm cành giâm vào giá thể*.  + GV giải thích các kĩ thuật trong từng bước giâm cảnh. GV đặt vấn đề cho HS: *Hãy cho biết mỗi công việc ở Hình 4.3 tương ứng với bước nào trong quy trình giâm cành.*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm trong 5 phút, trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Chú ý: Khi đặt hom không để hom tiếp xúc trực tiếp với phân bón. Nếu hom tiếp xúc với phân bón, hom dễ bị nhiễm bệnh và bị thối.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Quy trình chung giâm cành gồm bốn bước: chuẩn bị giá thể giâm cành → chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm* | **2. Quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành**  **2.1. Quy trình chung**  - Bước 1: Chuẩn bị gía thể giâm cành  - Bước 2: Chuẩn bị giâm cành  - Bước 3: Giâm cành vào giá thể  - Bước 4: Chăm sóc cành giâm |

**Hoạt động 3: Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành**

**a. Mục tiêu:** tổ chức cho HS thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành

**b. Nội dung:** các bước nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành

**c. Sản phẩm học tập:** rau muống đã được giâm cành đúng kĩ thuật

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  +GV giới thiệu về những đặc điểm của cây rau muống.  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.  + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, yêu cầu mỗi nhóm HS thực hiện giâm cành rau muống đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật.  + GV nêu yêu cầu về trật tự, thời gian,... của buổi thực hành.  + GV yêu cầu HS triển khai thực hiện giâm cành cây rau muống theo đúng quy trình.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và thực hành  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình cành cây rau muống.  + GV nêu tiêu chí đánh giá: sản phẩm đạt yêu cầu kĩ thuật.  + GV theo dõi HS thực hành, uốn nắn và điều chỉnh thao tác của HS. Nhắc nhở HS giữ an toàn vệ sinh lao động, tiết kiệm nguyên liệu (giáo dục ý thức sống; bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hướng đến sự phát triển bền vững).  + GV hướng dẫn và khuyến khích HS sáng tạo để tạo ra những sản phẩm giảm cảnh đạt yêu cầu kĩ thuật và mang hình thức đẹp.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: quy trình nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành gồm 4 bước. | **2. Quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành**  **2.2. Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành** |

**- Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành:**

+ Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành**:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** |
| 1 | Chuẩn bị đất và chậu trồng rau muống |  |  |
| 2 | Chuẩn bị cành giâm |  |  |
| 3 | Giâm cành vào đất trồng |  |  |
| 4 | Chăm sóc cành giâm |  |  |
| 5 | Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động |  |  |

**- Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành**

* Đánh giá mức độ hoàn thành baì thực hành
* Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá sản phẩm** | **Đạt** | **Không đạt** | **Ghi chú** |
| **1** | Thành phần dinh dưỡng của đất cân đối, phù hợp với cây rau muống |  |  |  |
| **2** | Lượng đất vừa đủ |  |  |  |
| **3** | Cành giâm không quá già, không quá non. Đủ số lượng |  |  |  |
| **4** | Cành giâm được cắt vát 15 – 20cm, đoạn cành giâm có số lượng các chồi bằng nhau |  |  |  |
| **5** | Đầu già của cành giâm được cắm xuống đất |  |  |  |
| **6** | Cành giâm chếch so với mặt đất trống |  |  |  |
| **7** | Khoảng cách giữa các cành giâm đều nhau |  |  |  |
| **8** | Bề mặt đất luôn ẩm |  |  |  |
| **9** | Cây phát triển tốt, không bị sâu, bệnh hại |  |  |  |
| **10** | Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo |  |  |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về phương pháp giâm cành, cách chọn cành giâm đạt yêu cầu, củng cố nội dung cốt lõi bài học.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

**Câu hỏi 1.** Quan sát Hình 4.4 và trả lời các câu hỏi sau:

a. Hình a, b hay c mô tả phương pháp giâm cành?

b. Phương pháp giâm cành khác với phương pháp còn lại như thế nào?

**Câu hỏi 2**. Thân cây sắn sau khi thu hoạch sẽ được cắt thành các đoạn ngắn để làm giống cho vụ tiếp theo. Đoạn thân sắn nào trong Hình 4.5 đạt yêu cầu kĩ thuật làm cành giâm? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

+ Câu 1: Hình nào đang mô tả phương pháp giâm cành? *Gợi ý*. Hình e đang mô tả phương pháp giâm cành.

+ Câu 2: Đoạn thân sẵn nào đạt yêu cầu kỹ thuật làm cành giâm.

*Gợi ý*. Cành giâm đạt yêu cầu là đoạn có góc vật, độ dài 15 – 20 cm và đoạn không

non (gần ngọn) hay không quả giả (sát gốc).

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Em hãy chọn một loại rau mà gia đình em thường sử dụng và nhân giống cây rau này bằng phương pháp giâm cành. Ghi nhận lại quá trình phát triển của cây từ khi giảm đến khi cây có 3 chồi non.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà: GV yêu cầu HS lựa chọn loại cây rau số trồng và báo cáo sản phẩm qua ảnh chụp hoặc sử dụng bằng theo khi các giai đoạn phát triển của cây từ khi giảm đến khi cây có ba chồi non, đồng thời trình bày những lưu ý khi chăm sóc cây.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học, Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Dự án 1 : Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình*

**Ký duyệt , ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 8 :**

**Ngày soạn:…/…/2024**

**Ngày dạy**:

## **Tiết 8 : DỰ ÁN 1: KẾ HOẠCH TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG TRONG GIA ĐÌNH( 1 tiết )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật trồng và chăm sóc cây trồng để lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình,

- Rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc tổ chức và thực hiện dự án.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học*: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân, chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án,
* *Giao tiếp và hợp tác*: biết trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động bao gồm mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và vẫn thu hiện là hoạch

***- Năng lực công nghệ:***

* *Nhận thức công nghệ* nhận biết các yêu cầu, công việc thực hiện trồng và chăm sóc cây trồng,
* *Sử dụng công nghệ* sử dụng quy trình trồng trọt để lập kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình,
* *Đánh giá công nghệ* nhận xét, đánh giá kĩ thuật trồng và chăm sóc cho cây trồng,
* *Thiết kế công nghệ* xây dựng được kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình hợp lí, hiệu quả, tiết kiệm, an toàn.

**3. Phẩm chất**

- *Chăm chỉ* có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp.
* Biểu mẫu bảng kế hoạch, bảng tính chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tài liệu hướng dẫn kĩ thuật trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu dự án.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về rừng ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giới thiệu dự án: Để cây trồng phát triển tốt, đạt hiệu quả kinh tế cao, người trồng cần thực hiện các công việc như: chuẩn bị đất trồng, chuẩn bị giống, gieo trồng và chăm sóc.

Em hãy lập kế hoahcj, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng đã lựa chọn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS nêu hiểu biết sơ bộ về dự án.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Để lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng đã lựa chọn chúng ta cùng tìm hiểu dự án 1.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự án  + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.  + GV nêu các nhiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện để hoàn thành dự án.  + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo  + GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và đọc yêu cầu dự án  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS nêu mục tiêu và nhiệm vụ của dự án.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Giới thiệu dự án**  - Mục tiêu: Lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình.  - Nhiệm vụ:  + Xác định loại cây trồng phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình,  + Lập kế hoạch trồng và chăm sóc cho cây trồng đã chọn.  + Tính toán chi phí trồng và chăm sóc cho cây trồng đã chọn |

**Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch dự án

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch, tính toán chi phi cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình.  • Thảo luận để lựa chọn một loại cây trồng phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình  • Liệt kê các công việc cần làm để trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn,  • Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc của dự án (bảng kế hoạch),  • Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kế hoạch của nhóm  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính: công việc cần làm. thời gian thực hiện, người thực hiện, vật liệu, dụng cụ cần thiết, địa điểm tiến hành | **2. Xây dựng kế hoạch**  - HS dựa vào các câu hỏi gợi ý sau:  + Những loại cây gì thường được trồng ở các hộ gia đình nơi em ở ? Em sẽ lựa chọn cây trống nào cho phù hợp với điều kiện trồng và chăm sóc ở gia đình  + Quy trình trồng và chăm sóc cây gồm những công việc gì? Các công việc đó được thực hiện theo trình tự như thế nào?  + Em dự định bắt đầu trồng vào thời gian nào? Quy mô trồng, phương thức trồng như thế nào? Các công việc chuẩn bị đất trồng được tiến hành như thế nào? Em sử dụng loại phân bón lót và phân bón thúc nào?  + Dự kiến việc chăm sóc cây được thực hiện như thế nào trong ngày, trong tuần, trong tháng?  + Dự kiến chi phí mua dụng cụ trồng và chăm sóc cây, chuẩn bị đất, mua hạt giống, mua phân bản... như thế nào. |

**Hoạt động 3: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án

**b. Nội dung:** lập bảng kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc cây trồng,

**c. Sản phẩm học tập:** bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình, bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đó.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc trồng và chăm sóc cây trồng đã chọn.  + GV cung cấp các thông tin về số lượng, đơn giá của cây giống, phân bón, dụng cụ trồng trọt,... cho kế hoạch trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn  + GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện lập bảng kế hoạch và bảng tính chi phí  + GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.  + GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lí quá trình thực hiện dự án.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày bảng kế hoạch và bảng tính chi phí.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Bảng kế hoạch trong và chăm sóc một loại cây trồng tại gia đình bao gồm các nội dung: công việc cần làm, mốc thời gian cho từng công việc. Bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng bao gồm các nội dung: đơn giả và số lượng nguyên – vật liệu (cây giống, phân bón, dụng cụ trồng trọt,...). | 3. **Thực hiện dự án**  - Bảng kế hoạch trong và chăm sóc một loại cây trồng tại gia đình bao gồm các nội dung:   * công việc cần làm, * mốc thời gian cho từng công việc.   - Bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng bao gồm các nội dung: đơn giá và số lượng nguyên – vật liệu (cây giống, phân bón, dụng cụ trồng trọt,...). |

**Hoạt động 4: Báo cáo dự án**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án, giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án

**b. Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu kế hoạch trồng, chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc trồng, chăm sóc loại cây trồng đã chọn,

**c. Sản phẩm học tập:**

+ Bảng báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại cây trồng,

+ Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại cây trồng đã chọn

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các mục sau   * Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trong trong gia đình theo Mẫu 1. * Báo cáo bảng tính chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình theo Mẫu 2.   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và báo cáo kết quả.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV nhận xét, đánh giá kết quả báo cáo sản phẩm của dự án theo tiêu chí đã đề ra ban đầu.  + Cấu trúc bài báo cáo. đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết,  + Trình bày kết quả dự án trước lớp diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **4. Báo cáo dự án** |

**Mẫu 1: Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Giới thiệu  - Giống cây  - Phương thức trồng  - Diện tích, số lượng cây trồng  - Điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây  2. Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Công việc cần làm** | **Thời gian thực hiện** | **Vật liệu, dụng cụ cần thiết** | **Ghi chú** | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  | | 5 |  |  |  |  | |

**Mẫu 2: Bảng tính chi phí trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đinhf**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các loại chi phí** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá (đồng)** | **số lượng** | **Thành tiền (đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 | Vật liệu, dụng cụ để trồng và chăm sóc cây |  |  |  |  |  |
| 2 | Cây giống |  |  |  |  |  |
| 3 | Phân bón |  |  |  |  |  |
| 4 | Thuốc bảo vệ thực vật |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi phí gieo trồng, chăm sóc cây |  |  |  |  |  |
| 6 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về trồng và chăm sóc cây.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét quá trình thực hiện dự án của cả lớp

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV đánh giá kết quả đạt được của các nhóm.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: lập dự án trồng và chăm sóc cây trồng có trong vườn nhà theo mẫu 1,2.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài Ôn tập chương 1 và chương 2.*

**Ký duyệt , ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 9 :**

**Ngày soạn:…/…/2024**

**Ngày dạy**:

## **Tiết 9 : ÔN TẬP CHƯƠNG 1 VÀ CHƯƠNG 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam, các phương thức trồng trọt, trồng trọt công nghệ cao, quy trình trồng trọt, nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trống trọt trong Chương 1 và Chương 2 để giải quyết các câu hỏi xoay quanh chủ để trồng trọt ở Việt Nam.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học* chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập, tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về trồng trọt vào thực tiễn,
* *Giao tiếp và hợp tác*: biết trình bày ý tưởng, trao đổi thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

***- Năng lực công nghệ:***

* *Đánh giá công nghệ***:** nhận xét, đánh giá về nghề trồng trọt

**3. Phẩm chất**

– Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt vào đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 1 và Chương 2,
* Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của chương 1 và chương 2**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 1 và chương 2

**b. Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 1 và Chương 2.

+ Vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam,

+ Các phương thức trồng trọt,

+ Quy trình trồng trọt,

+ Nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của Chương I và Chương 2

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 1 và Chương 2  + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ sơ đồ minh hoạ nhằm hệ thống hoá kiến thức về trồng trọt ở Chương 1 và Chương 2 trong SHS  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, vẽ sơ đồ  + GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tải hiện những nội dung chi tiết của Chương 1 và Chương 2.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của chương 1 và chương 2**  **(sơ đồ SGK trang 36)** |

**Hoạt động 2: Câu hỏi ôn tập**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức ở Chương 1 và Chương 2.

**b. Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.

**c. Sản phẩm học tập:** đáp án cho câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SHS

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân  + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm nhóm, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV phân tích, bổ sung đáp án các câu hỏi và bài tập  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **2. Câu hỏi ôn tập**  ***(sgk/ 37)*** |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước: Kiểm tra giữa học kì 1*.*

**Ký duyệt , ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 11,12**

**Ngày soạn:7/11/2024**

**Ngày dạy: Tiết 11 : 11/11/2024 7E, 7G**

**Tiết 12 : 18/11/2024 7 E, 7G**

**BÀI 5: TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CẢI XANH ( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu :** Sau bài học này, HS sẽ:

- Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng cây cải xanh vào hoạt động trồng trọt tại gia đình.

- Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung:*

*+ Tự chủ và tự học*: chủ động, tích cực thực hiện những công việc học tập của bản thân, tự tìm hiểu thêm để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học vào trồng trọt một cách hiệu quả.

*+ Giao tiếp và hợp tác*: biết sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh để thảo luận, trao đổi và trình bày những vấn đề trong quá trình trồng cây cải xanh.

*+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo* phân tích tình huống được đặt ra từ đó đề xuất được giải pháp trồng cây cải xanh hiệu quả.

*Nhận thức công nghệ*: nhận biết được mục đích, quy trình, yêu cầu kĩ thuật trong trồng cây cải xanh.

*- Năng lực công nghệ:*

*+ Giao tiếp công nghệ* sử dụng một số thuật ngữ dùng trong quy trình trồng và chăm sóc cải xanh, biết rút ra kinh nghiệm và có khả năng trao đổi kinh nghiệm khi tham gia học tập quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh,

*Sử dụng công nghệ* thực hiện được quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh,

*+ Đánh giá công nghệ* nhận xét, đánh giá được thao tác kỹ thuật trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh.

**3. Phẩm chất**

*+ Nhân ái:* luôn tìm hiểu để vận dụng hợp lí quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh, tạo ra một sản phẩm cây trồng an toàn cho bản thân và gia đình,

*+ Chăm chỉ* có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng cây cải xanh vào trồng trọt trong gia đình,

*+ Trách nhiệm* quan tâm đến việc trong một loại cây tạo sản phẩm an toàn cho gia đình,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV**

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học.

+ Video clip quy trình trồng cây cải xanh,

+ Video clip hoặc hình ảnh cây cải xanh được trồng an toàn hoặc trồng theo phương pháp hữu cơ,

+Tranh ảnh về cách thực hiện từng bước trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh,

+ Tranh ảnh về cây cải xanh đạt yêu cầu (cây xanh tốt, là nguyên vẹn) và cây cải

xanh không đạt yêu cầu (bị sâu, lá úa vàng,..)

- Chuẩn bị cho tiết thực hành

+ Dụng cụ cần thiết: hạt giống cây cải xanh, thùng xốp có đục lỗ thoát nước bên dưới, đất và phân bón, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ; ang tao

+ Chuẩn bị phòng hoặc địa điểm thực hành,

+ Phân chia nhóm HS thực hành.

2. Đối với HS

- Đọc trước bài học trong SHS.

- Tìm hiểu về quy trình trồng trọt,

- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị cho tiết thực hành

+ Hạt giống cây cải xanh đã được ngâm ủ đúng cách, đủ số lượng theo kích thước của châu/ thùng.

+ Giá thế (đất) trồng cải xanh như đất trộn với phân hữm cơ, xọ dừa hoặc tro,... (tỉ lệ phân bón khoảng 0,8 – 1,2 kg/m2 đất trồng),

+ Thùng xốp hoặc chậu có lỗ thoát nước,

+ Dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về trình tự các công việc trồng cây và chăm sóc cây cải xanh.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về rừng ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Kể các công việc để trồng và chăm sóc cây cải xanh mà em biết.

- GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình trồng trọt.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

*Quy trình trồng trọt:*

*Bước 1: Chuẩn bị đất trồng*

*Bước 2: Chuẩn bị giống cây*

*Bước 3: Gieo trồng*

*Bước 4: Chăm sóc cây*

*Bước 5: Thu hoạch*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Rau cải được sử dụng làm nguyên liệu thực phẩm phổ biến trong bữa cơm hằng ngày trong gia đình. Trong điều kiện chủ động được nước tưới và có mái che, quản lí tốt dịch bệnh thì cây cải xanh có thể được trồng quanh năm. Sau khoảng 30-40 ngày có thể thu hoạch và chuẩn bi trồng cho vụ màu sau. Vậy cây cải xanh được trồng như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 5: Trồng và chăm sóc cây cải xanh.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Hoạt động 1: Chuẩn bị

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết các công việc chuẩn bị trước khi trồng cây cải xanh

b. Nội dung: chuẩn bị cho phần thực hành trồng cây cải xanh

c. Sản phẩm học tập: những dụng cụ, vật liệu, cách tính toán cần có khi trồng cải xanh

d. Tổ chức hoạt động :

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  + GV yêu cầu HS kể các công việc chuẩn bị trồng cây.  + GV chia lớp thành 6 nhóm thực hành.  + GV cho HS xem hình ảnh về quá trình trồng cây cải xanh trong thùng xốp và yêu cầu các nhóm HS nêu những công viêc cần chuẩn bị để trồng cây cải xanh .  + GV yêu cầu HS kiểm tra các dụng cụ, vật liệu đã chuẩn bị.  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi và chuẩn bị thực hành.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV hướng dẫn HS về việc sử dụng phân, thuốc (khuyến khích sử dụng phân, thuốc có nguồn gốc sinh học) và quy định nơi bỏ bao bị thuốc bảo vệ thực vật.  + GV giới thiệu thêm thông tin trong SHS về trồng trọt theo phương pháp hin ba  Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời đại diện HS trả lời.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Chuẩn bị trồng cây cải xanh bao gốm các công việc: chuẩn bị đất trồng, chuẩn bị hạt giống, chuẩn bị phân bón và dụng cụ trồng cây.  - GV chuyển sang nội dung mới. | I. Hướng dẫn trồng cải xanh  1. Chuẩn bị  - Khu vực trồng rau một góc vườn hay chậu, thùng xốp có đục lỗ thoát nước bên dưới,  - Hạt giống cải xanh.  - Phân bón  - Cuốc, xẻng, thùng tưới, gáo tưới nước. |

**Hoạt động 2: Yêu cầu kĩ thuật**

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết yêu cầu kĩ thuật của việc trồng cây cải xanh

b. Nội dung: yêu cầu cây cải xanh khi thu hoạch

c. Sản phẩm học tập: yêu cầu kĩ thuật khi trồng cây cải xanh

d. Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Cây cải xanh sau khi trồng có biểu hiện như thế nào là đạt yêu cầu?  + GV cho HS xem hình ảnh về cây cải xanh phát triển tốt và cây cải xanh bị sâu ăn lá, lá vàng úa. Trả lời câu hỏi: *Mô tả những đặc điểm để nhận biết cây cải xanh phát triển tốt.*  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Vì sao bao bì thuốc bảo vệ thực vật cần bỏ đúng nơi quy định?*  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận, quan sát và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV gợi ý để HS nêu được tiêu chí đánh giá sản phẩm (cây cải xanh lúc thu hoạch) đạt yêu cầu kĩ thuật.  Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời đại diện HS trình bày.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Cải xanh có thể thu hoạch được sau 30 – 40 ngày (hoặc cao trên 15 cm); không bị sâu, bệnh; lá cải còn nguyên vẹn, đều màu và có màu xanh đậm. | 2. Yêu cầu kĩ thuật  - Cải xanh có thể thu hoạch được sau 30 – 40 ngày (hoặc cao trên 15 cm);  - Cây cải không bị sâu, bệnh;  - Lá cải còn nguyên vẹn, đều màu và có màu xanh đậm. |

Hoạt động 3: Quy trình trồng cải xanh

a. Mục tiêu: giúp HS trình bày được các bước trồng cải xanh

b. Nội dung: các công việc trong quy trình trồng cải xanh

c. Sản phẩm học tập: quy trình trồng cải xanh

d. Tổ chức hoạt động :

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  + GV nhắc lại quy trình trồng trọt để HS nêu được quy trình trồng cây cải xanh.  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 5.1 và trả lời câu hỏi trong SHS Trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong khâu chuẩn bị đất trống. Vì sao?  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 5.2 trong SHS và cho biết trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong chăm sóc cây trồng. Vì sao?  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát Hình và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV gợi ý để HS nêu được yêu cầu kĩ thuật của mỗi bước trong quy trình trồng cải xanh  Gợi ý. Hình 5.1b không đảm bảo an toàn lao động (không bao tay khi làm đất) .  Gợi ý. Hình 5.2a không đảm bảo an toàn lao động, khi phun thuốc không mang đầy đủ đồ bảo hộ, khẩu trang, non (mũ), kinh, bao tay.  Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời đại diện HS trả lời về vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  GV lưu ý cho HS về an toàn lao động trong việc sử dụng các dụng cụ, vật liệu, nguyên liệu,... khi thực hành chăm sóc cây trồng  Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Quy trình trồng cải xanh gồm năm giai đoạn chuẩn bị đất trồng → chuẩn bị hạt giống cải xanh — gieo trồng – chăm sóc cây cải xanh - thu hoạch  - GV chuyển sang nội dung mới. | 3. Quy trình trồng cải xanh  Quy trình trồng cải xanh gồm năm giai đoạn:  Bước 1: chuẩn bị đất trồng (bảng 5.1)  Bước 2: chuẩn bị hạt giống cải xanh (bảng 5.2)  Bước 3: gieo trồng (bảng 5.3)  Bước 4: chăm sóc cây cải xanh (bảng 5.4)  Bước 5: thu hoạch (bảng 5.5) |

**Hoạt động 4: Thực hành trồng cải xanh**

a. Mục tiêu: tổ chức cho HS trồng cải xanh

b. Nội dung: các bước trồng cải xanh trong chậu (thùng xốp)

c. Sản phẩm học tập: cải xanh đã được gieo trồng đúng kĩ thuật

d. Tổ chức hoạt động :

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  + GV giới thiệu về những đặc điểm của cây cải xanh  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình trồng cải xanh  + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, yêu cầu mỗi nhóm HS thực hiện trồng cây cải xanh đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật.  + GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian  + GV nêu tiêu chuẩn đánh giá quá trình thực hành và tiêu chỉ đánh giá sản phẩm  + GV yêu cầu HS triển khai thực hiện trong cải xanh theo dùng quy trình.  +GV yêu cầu các nhóm HS dùng thực hiện hoạt động và nộp sản phẩm khi hết thời gian thực hành  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát và thực hành.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình trồng cải xanh  Lưu ý. Nếu HS chuẩn bị hạt giống ngâm ủ trước buổi thực hành thi GV có thể cho các nhóm HS tự nhận xét, nhận xét sản phẩm của các nhóm khác.  + GV theo dõi HS thực hành, uốn nắn và điều chỉnh thao tác của HS. Nhắc nhở HS giữ an toàn vệ sinh lao động, tiết kiệm nguyên liệu (giáo dục ý thức sống; bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hướng đến sự phát triển bền vững)  + GV hướng dẫn và khuyến khích HS sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật và hình thức trồng đẹp.  Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời đại diện HS trình bày sản phẩm.  - GV và HS cùng đánh giá sản phẩm của các nhóm thực hành, các nhóm HS đánh giá lẫn nhau.  Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | 4. Thực hành trồng cải xanh |

– Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành

+ Tiêu chỉ đánh giá quy trình thực hành

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các bước thực hiện | Có | Không |
| 1 | Chuẩn bị đất và chậu trồng cải xanh |  |  |
| 2 | Hạt giống cải xanh (đã được ngâm ủ) |  |  |
| 3 | Gieo hạt cải |  |  |
| 4 | Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động |  |  |
| 5 | Tháo tác gọn gàng, cẩn thận |  |  |
| 6 | Chăm sóc cây cải xanh |  |  |

- Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:

+ Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành

+ Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí đánh giá sản phẩm | Đạt | Không đạt | Chú thích |
| 1 | Xcas định được diện tích đất trồng và số lượng hạt giống tương ứng |  |  |  |
| 2 | Lượng đât vừa đủ. Thành phần dinh dưỡng của đất cân đối, phù hợp với cây cải xanh.  + Đất được làm kĩ: sạch cỏ dại và tàn dư cây trồng  + Đất bằng phẳng và tơi xốp |  |  |  |
| 3 | Hạt được ngâm ủ no nước hoặc nứt mầm, đủ số lượng |  |  |  |
| 4 | Mật độ và khoangr cách gieo giữa các hạt đều bằng nhau |  |  |  |
| 5 | Hạt được phủ một lớp đất mỏng |  |  |  |
| 6 | Bón phân đúng thời điểm và liệu lượng |  |  |  |
| 7 | Bề mặt đất luôn ẩm |  |  |  |
| 8 | Cây phát triển tốt, không bị sâu bệnh haị |  |  |  |
| 9 | Thực hiện đúng phương pháp thu hoạch đã lựa chọn, sản phẩm đạt kích thước hoặc độ tuổi |  |  |  |
| 10 | Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo |  |  |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu:

Câu 1: Quan sát Hình 5.3 và cho biết cây nào là cây cải xanh đã đực hướng dẫn trồng ở trên. Các cây trong hình còn lại có tên là gì? Theo em, cách trồng những cây cải này có giống cách trồng cải xanh không?

Câu  2. Theo em, quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

Câu 1: Cây cải xanh được hướng dẫn trồng ở trên là hình d.

Các cây còn lại trong hình là:

a. Cải ngồng b. Xà lách xoăn c. Cải bó xôi e. Xà lách

f. Cải thìa ( cải chip)

Theo em, cách trồng những cây cải này giống cách trồng cải xanh. Vì đó đều là các loại rau xanh ăn lá

Câu 2:

Không sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ độc hại.

Không sử dụng phân bón hóa học.

Không sử dụng chất kích thích phát triển.

=> Mang tới nguồn rau sạch, an toàn chất lượng cho người tiêu dùng.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Dựa vào quy trình trồng cải xanh, em hãy  tìm hiểu để thực hiện trồng và chăm sóc một loại cây rau đến khi thu hoạch.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

\* Hướng dẫn về nhà

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *BÀ 6 : Rừng ở Việt Nam*

**Ký duyệt , ngày tháng năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập thực tiễn.
* *Trách nhiệm:* sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Tranh ảnh về vai trò của rừng, tranh ảnh hoặc video clip hoặc mô tả các rừng phổ biến ở nước ta.
* Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Giáo dục công dân 7.
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về vai trò của rừng đối với khí hậu môi trường.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò của các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về rừng ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về sạt lở đất và lũ lụt ở nước ta và hình ảnh về một số loại rừng ở Việt Nam.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+ Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người?*

*+ Ở Việt Nam có những loại rừng nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

*+ Rừng có tác động, vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như môi trường: cung cấp nguồn gỗ, củi, điều hòa, tạo ra oxy, điều hòa nước, là nơi cư trú động thực vật và tàng trữ các nguồn gen quý hiếm, bảo vệ và ngăn chặn gió bão, chống xói mòn đất, đảm bảo cho sự sống, bảo vệ sức khỏe của con người…*

*+ Ở Việt Nam có những loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Theo số liệu công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2020, Việt Nam có tổng diện tích rừng là 14,6 triệu ha, trong đó rừng tự nhiên là 10,3 triệu ha, rừng trồng là 4,3 triệu ha. Để nắm vai trò của rừng đối với môi trường sống và đời sống, cũng như phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 6: Rừng ở Việt Nam.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của rừng**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.

**b. Nội dung:** Những chức năng, tác dụng của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.

**c. Sản phẩm học tập:** Vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV dẫn dắt: *Rừng là một hệ sinh thái, nơi sinh sống của các loài thực vật, động vật, vi sinh vật và chứa đựng các yếu tố môi trường khác.*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát Hình 6.1 SGK tr.38 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất trong mỗi trường hợp được minh họa ở Hình 6.1.*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Hãy kể tên những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng.*  - GV hướng dẫn HS đọc mục Thông tin thêm SGK tr.38 và giới thiệu cho HS thông tin về ngày Quốc tế rừng:  *+ Được các quốc gia tổ chức vào ngày 21/3 hằng năm.*  *+ Nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của rừng, góp phần giảm lượng khí thải carbon dioxin để hạn chế hiện tượng dần nóng lên của Trái đất do hiệu ứng nhà kính.*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin SGK, quan sát Hình 6.1 SGK tr.38 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời về vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường, phục vụ tích cực cho đời sống, sản xuất và nghiên cứu khoa học.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vai trò của rừng**  - Vai trò của rừng:  + cải tạo môi trường, hấp thụ khí carbon dioxie, bụi trong không khí và thải ra khí oxygen, giúp điều hòa khí hậu.  + chắn gió, chống cát di động ven biển, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.  + cung cấp nguyên liệu cho sản xuất các vật dụng cần thiết cho con người.  + chống xói mòn, hạn chế hiện tượng sạt lở đất.  + phục vụ nghiên cứu khoa học.  + bảo tồn thiên nhiên, thực vật và động vật rừng.  - Một số ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng:  + Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ: ngành mộc, xây dựng...  + Ngành chế biến hương liệu và tinh dầu. (từ các bộ phận của cây:hoa, lá, cành, thân..) như mùi hương của mỹ phẩm, nước hoa...  + Ngành chế biến và cung cấp dược liệu, thuốc : dùng các loại nấm như linh chi, các vị thuốc bắc, thuốc nam.  + Ngành chế biến nhựa để sản xuất keo. |

**Hoạt động 2: Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

**b. Nội dung:** Đặc điểm của một số loại rừng theo từng cách phân loại.

**c. Sản phẩm học tập:** Đặc điểm theo mục đích sử dụng của một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.39 và trả lời câu hỏi: *Hãy nêu cách phân loại rừng.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 6.2 SGK tr.39 và trả lời câu hỏi: *Những loại rừng ở Hình 6.2 được gọi theo tên đặc điểm nào của rừng?*  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 6.3 và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết tên gọi loại rừng trong Hình 6.3*  - GV gợi mở, dẫn dắt HS liên hệ với thực tế địa phương và trả lời câu hỏi:  *+ Tại địa phương em có những loại rừng nào?*  *+ Hãy kể tên rừng ở Việt Nam mà em biết.*  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 6.4 và cho biết: *Rừng giúp ích gì cho môi trường và cho đời sống con người?*  - GV nêu thêm thông tin và giải thích về tài nguyên rừng Việt Nam:  *+ Năm 2020, Việt Nam có 14,6 triệu ha rừng, gồm 10,3 triệu ha rừng tự nhiên và 4,3 triệu ha rừng trồng.*  *+ Tỉ lệ giữa diện tích rừng so với tổng diện tích đất tự nhiên của Việt Nam đạt 42%.*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát Hình 6.2-6.4 SGK tr.39 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về một số đặc điểm theo mục đích sử dụng của một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.  - Trong Hình 6.2:  + Rừng nguyên sinh gọi tên theo nguồn gốc hình thành.  + Rừng tre nữa được gọi tên theo loài cây.  + Rừng ngập nước gọi tên theo điều kiện lập địa.  - Trong Hình 6.3: Rừng cau dừa (gọi theo loài cây), hoặc rừng ngập nước (gọi tên rừng theo điều kiện lập địa).  - Trong Hình 6.4:  + Hình 6.4a: rừng sử dụng để sản xuất gỗ 🡪 rừng sản xuất.  + Hình 6.4b: rừng phục vụ du lịch 🡪 rừng đặc dụng.  + Hình 6.4c: rừng bảo vệ đất 🡪 rừng phòng hộ.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Ở nước ta, rừng chủ yếu được phân loại* *theo mục đích sử dụng. Theo đó, có ba loại rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.* | **2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam**  - Cách phân loại rừng:  + Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên (rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh), rừng trồng (rừng trồng mới, rừng trồng lại).  + Phân loại theo loài cây: rừng tràm, rừng thông, rừng tre nứa.  + Phân loại theo trữ lượng: rừng rất giàu, rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo, rừng chưa có trữ lượng.  + Phân loại theo điều kiện lập địa: rừng núi đất, rừng núi đá, rừng ngập nước, rừng đất cát.  - Tên một số rừng ở Việt Nam:  + Rừng U Minh - Cà Mau, Kiên Giang.  + Rừng Nam Cát Tiên - Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng.  + Rừng thông Bản áng - Mộc Châu, Sơn La  + Rừng nguyên sinh Tam Đảo - Vĩnh Phúc  + Rừng thông Bồ Bồ - Quảng Nam  + Rừng tràm Trà Sư - An Giang. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về vai trò của rừng và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK tr.40.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK tr.40.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

**Câu 1.** *Hãy quan sát Hình 6.5 và kể tên những sản phẩm thu được từ rừng phục vụ cho đời sống.*

**Câu 2.** *Hãy cho biết mục đích sử dụng của các loại rừng thể hiện ở Hình 6.6-6.8:*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Kể tên những sản phẩm thu được từ rừng phục vụ cho đời sống.*

*+ Hình 6.5a: Bàn gỗ -> Đồ gỗ*

*+ Hình 6.5b: Giỏ mây tre đan -> Các sản phẩm từ mây tre đan*

*+ Hình 6.5c: Hương hoa lan -> Các loại tinh dầu chiết suất từ bộ phận của cây*

*+ Hình 6.5d: Mật ong -> Sản phẩm cho thực phẩm có nguồn gốc động vật.*

**Câu 2.** *Mục đích sử dụng của các loại rừng thể hiện ở Hình 6.6-6.8:*

*+ Hình 6.6: Rừng Cúc Phương: rừng đặc dụng*

*+ Hình 6.7: Rừng keo trồng: rừng sản xuất*

*+ Hình 6.8: Rừng phi lao: rừng phòng hộ.*

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức: *Rừng đặc dụng và rừng sản xuất đều có thêm chức năng phòng hộ. Ngoài ra, rừng phòng hộ cũng có thêm chức năng của rừng đặc dụng như rừng ven biển Ngọc Vừng (Quảng Ninh) – đó là rừng ở bãi biển nổi tiếng phục vụ du lịch.*

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học để giải thích lợi ích của rừng trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK tr.40.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK tr.40.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống của gia đình em và người dân địa phương nơi em sinh sống?*

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà: *Dựa vào vai trò của rừng để kể được rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống của người dân ở các khu vực: thành thị, gần khu công nghiệp, vùng trung du, vùng đồng bằng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 7: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.*

**Ký duyệt , ngày 22 tháng 11 năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 14, 15**

**Ngày soạn: 28/11/2024**

**Ngày dạy: Tiết 14 : 02/12/2024 7E , 7G**

**Tiết 15 : 9/12/2024 7E , 7G**

## **BÀI 7: TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. *Năng lực .***

***\*Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học* tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng để giải quyết vấn đề trong tình huống mới,
* *Giao tiếp và hợp tác* biết trình bày ý tưởng và thảo luận những vấn đề về trống.

***\* Năng lực công nghệ:***

* *Nhận thức công nghệ* nhận biết quy trình trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng
* *Giao tiếp công nghệ* biết và sử dụng được một số thuật ngữ về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.
* *Đánh giá công nghệ* nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong việc trồng và chăm sóc rừng.

**2. Phẩm chất**

- *Chăm chỉ* có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kế năng về trồng, chân sóc và các biện pháp bảo vệ rừng vào thực tiễn.

- *Trách nhiệm* có ý thức chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, phản đối những hành vi xâm hại rừng, có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu thông tin về việc bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về cách thức để rừng phát triển, giúp ích cho đời sống và sản xuất.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về rừng ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+ GV nêu tình huống về rừng bị tàn phá và yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Làm thế nào để phát triển rừng, giúp ích cho đời sống và sản xuất?*

*+ GV minh hoạ hình ảnh trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Rừng có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như môi trường. Vì vậy chúng ta cần phải trồng và bảo vệ rừng xanh tốt hơn. Để biết được quy trình trồng và chăm sóc rừng chúng ta cùng tìm hiểu **bài 7: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị cây con**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được yêu cầu của cây con đem trồng rừng.

**b. Nội dung:** cách chọn và chăm sóc cây con chuẩn bị đem trồng rừng

**c. Sản phẩm học tập:** cách chuẩn bị cây con đem trồng rừng.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở và dẫn dắt HS tìm hiểu về thời vụ trồng rừng phủ hợp với từng vùng, miền  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Ở nước ta, mùa nào trong năm có khí hậu thuận lợi giúp cây con phát triển tốt? Vì sao?*  + GV gợi mở và và dẫn dắt HS tìm hiểu về cách thức chuẩn bị cây con.  + GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn trong 3 phút, tìm hiểu về đặc điểm của các loại cây giống dùng để trồng rừng và thực hiện yêu cầu: *Quan sát Hình 7.1 và cho biết vụ điểm khi trồng rừng bằng cây con. Theo em, phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần có nhược điểm như thế nào?*  + GV yêu cầu: kể tên các loại cây con và trình bày các tiêu chuẩn của cây con đem trồng rừng mới.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý: Miền Bắc thường trồng vào mùa xuân và mùa thu, miền Trung và miền Nam thưởng trồng vào mùa mưa vì khí hậu mát mẻ, đất đủ ẩm giúp cây con phát triển tốt.  Gợi ý  • Bộ rễ của cây con có bầu ít bị tổn thương, bầu đất có đủ phân bón và đất tơi xốp, cây có tỉ lệ sống cao và phát triển tốt. Cây con rễ trần thường có bộ rễ khoẻ do được phát triển tự nhiên.  • Nhược điểm của phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất là tốn kém và mất nhiều thời gian. Phương pháp trồng rừng bằng cây con rễ trần chỉ phù hợp với các loài cây có bộ rễ phát triển, phục hồi nhanh.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV gợi mở, giải thích thêm lí do loại bỏ bầu đất tự phân huỷ được sản xuất từ các thành phần hữu cơ có tác dụng bảo vệ môi trường và góp phần cải thiện độ phì nhiêu của đất.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Giống cây rừng chuẩn bị đem trống gồm có cây con có bầu đất và cây con rễ trần. Cây con được chọn đem trồng phải có đủ tiêu chuẩn, cây khoẻ, sinh trưởng, phát triển tốt, cân đối.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Trồng rừng**  **1. Chuẩn bị**  **a. Chuẩn bị cây con**  Giống cây rừng chuẩn bị đem trồng gồm có cây con có bầu đất và cây con rễ trần.  - Chuẩn bị cây giống bảo đảm số lượng và chất lượng giống tốt. Chọn cây con đủ tiêu chuẩn, cây khoẻ, sinh trưởng, phát triển tôi, cân đối.  - Trồng ngay khi xuất cây con khỏi vườn ươm. Nếu chưa trồng ngay thì để cây con nơi thoáng mát, đất bằng phẳng và đảm bảo đủ ẩm cho cây trong thời gian không quá 15 ngày. |

**Hoạt động 2: Làm đất trồng cây**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các khâu làm đất trồng cây rừng

**b. Nội dung:** các khâu làm đất trồng cây rừng

**c. Sản phẩm học tập:** các khâu làm đất trồng cây rừng

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 6 HS trong 5 phút tìm hiểu về công việc làm đất chuẩn bị trong cây, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đất trồng rừng cần được chuẩn bị như thế nào để trồng được cây con đã có rễ?  + GV gợi mở và dẫn dắt HS: trình bày các bước làm đất chuẩn bị trồng cây.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Tác dụng của bón lót là gì?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý. Đất trồng ng cần được làm sạch cỏ, tạo hồ đất, trong hồ đất có đất xốp (lớp đất màu trộn phân bón).  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV giới thiệu thêm thông tin về phân bón NPK trong SHS  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Làm đất trồng cây rừng được thực hiện trình tự như sau vạt sạch cỏ chỗ đào hố — cuốc lớp đất nâu để riêng một bên - bón lót (lớp đất màu trộn với phân bón) -> lấp đất đã trộn phân bón vào hố -> lấp đất đầy hố. | **b. Làm đất trồng cây**  - Đào hố là cách làm đất được áp dụng phổ biến trong trồng rừng ở nước ta.  + Sau khi vạt sạch cỏ chỗ đảo hổ, cuốc lớp đất màu để riêng một bên.  + Bón lót trộn phân bón với lớp đất màu theo tỉ lệ: 1 kg phân hin cơ (đã ủ hoại) + 0,1 kg super lân + 0,1 kg NPK cho 1 hổ Lấp đất đã trộn phân bón vào hồ.  + Lấp hồ nhật bỏ cỏ, rễ cây, đã lăn trong đất, cuốc thêm đất lấp cho đầy hố. |

**Hoạt động 3: Trồng rừng bằng cây con có bầu đất**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS trả lời: *Theo em, tại sao ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc lại áp dụng trồng răng bằng cây con có bầu đất*?  + GV tổ chức cho HS tìm hiểu quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất, yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 5 phút nhóm, thực hiện yêu cầu: *Quan sát Hình 7.3 và sắp xếp các công việc trồng năng bằng cây con có bầu đất theo thứ tự thích hợp.*  + GV gợi mở, yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong SHS: *Hãy giải thích tác dụng của từng bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý: Bầu đất của cây con có đủ phân bón, bầu đất tơi xốp sẽ giúp cây dễ dàng phát triển ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc.  + GV giúp HS đúc kết quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  Gợi ý. Rạch bỏ vỏ bầu cây con để hấp thụ chất dinh dưỡng. Dùng đất tơi nhuyễn khi lấp và nén đất lần 1 để giúp bộ rễ của cây con ăn vào đất dễ dàng....  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV gợi mở và giải thích thêm về cách lấp đất vào hồ khi trồng rừng bằng cây con ở nơi có địa hình dốc.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Trồng rừng bằng cây con có bầu đất thực hiện theo quy trình như sau: tạo lỗ trong hố trồng — rạch bỏ vỏ bầu -> đặt bầu cây con vào trong hố → lấp và nén đất lần 1 —> lập và nén đất lần 2 → vun gốc. | **2.Trồng rừng bằng cây con**  **a. Trồng rừng bằng cây con có bầu đất**  - Bước 1: Tạo lỗ trong hố trồng cỏ độ sâu lớn hơn chiều cao của bầu đất.  - Bước 2: Cần thận rạch bỏ vỏ bầu đất của cây con, không làm bề bau dat.  - Bước 3: Đặt ngay ngắn bầu cây con xuống giữa hồ trồng sao cho bầu đất và thân cây thẳng đứng, cổ rễ nằm dưới mặt đất khoảng 2-3 cm.  - Bước 4: Lấp và nén đất lần 1: lấp bằng đất tơi nhuyễn cao khoảng 1/2 đến 2/3 bầu, nén chặt xung quanh bầu đất.  - Bước 5: Lấp và nên đất lần 2: lấp đất tới cổ rễ và nén kín gốc cây con.  - Bước 6. Vun gốc; vun đất cao hơn gốc cây. |

**Hoạt động 4: Chăm sóc rừng sau khi trồng**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng

**b. Nội dung:** các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng

**c. Sản phẩm học tập:** các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn trong 3 phút và trả lời: *Hãy nêu nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao?*  + GV dẫn dắt HS trả lời các câu hỏi:  • Vì sao cần phát quang khi chăm sóc cây rừng mới trồng?  • Theo em trong trường hợp nào nên rào bảo vệ từng cây rừng mới trồng như H7.6?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý. Rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao có thể do các nguyên nhân bị cây hoang dại chèn ép, lấn chiếm, động vật cắn phá, con người tác động, giẫm đạp....  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giới thiện thông tin bổ sung về trồng dặm trong SHS  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Quá trình chăm sóc nung bao gồm các công việc: làm nào bảo vệ, phát quang cây hoang dại, làm có quanh gốc cây, xới đất, vun gốc, bón phân, tỉa và giâm cây. | **3. Chăm sóc rừng sau khi trồng**  - Thực hiện các công việc như:  + làm cỏ  + Xới đất, vun gốc  + Phát quang  + Tỉa và trồng dặm  + Bón phân  + Làm rào bảo vệ |

**Hoạt động 5: Sự cần thiết phải bảo vệ rừng**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được tầm quan trọng của bảo vệ rừng

**b. Nội dung:** sự cần thiết phải bảo vệ rừng, mục đích của các biện pháp bảo vệ rừng

**c. Sản phẩm học tập: s**ự cần thiết của việc bảo vệ rừng

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV dẫn dắt để HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Hình 7.7 cho thấy rừng có thể bị mất do những nguyên nhân nào?*  + GV yêu cầu HS kể tên một số tài nguyên rừng có thể bị xâm phạm.  + GV dẫn dắt các nhóm HS tìm hiểu và trình bày mục đích của việc bảo vệ rừng.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  Gợi ý. Rừng có thể bị mất do những nguyên nhân như chặt phá rừng, cháy rừng, phá rừng lấy đất làm nương rẫy.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Rừng có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường; phục vụ đời sống, sản xuất của con người. Bảo vệ rừng là việc làm cần thiết. Bảo vệ rừng chính là bảo vệ môi trường sống của chúng ta. | **II. Bảo vệ rừng**  **1.** **Sự cần thiết phải bảo vệ rừng**  Việc phát triển rừng trồng cần kết hợp với bảo vệ rừng nhằm mục đích: – Giữ gìn tài nguyên thực vật, động vật, đất rừng hiện có,  – Tạo điều kiện thuận lợi để ứng phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao giúp ích cho đời sống và sản xuất của xã hội. |

**Hoạt động 6: Biện pháp bảo vệ rừng**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các biện pháp bảo vệ rừng

**b. Nội dung:** các biện pháp bảo vệ rừng

**c. Sản phẩm học tập:** các biện pháp bảo vệ rừng

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  +GV chia lớp thành 8 nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn trong 5 phút và trả lời câu hỏi trong SHS: *Vì sao cần phải bảo vệ rừng?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giới thiệu thông tin bổ sung về một số ứng dụng công nghệ và thiết bị kĩ thuật trong công tác bảo vệ rừng trong SHS.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Để bảo vệ rừng cần ngăn chặn, cấm phá hoại tài nguyên rừng và đất vùng phòng chống cháy rừng. Việc khai thác rừng và sử dụng đất nung phải có kế hoạch và được Nhà nước cho phép. | **2. Các biện pháp bảo vệ rừng**  - Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân về bảo vệ, phát triển rừng,  - Các địa phương, đơn vị, chủ rừng chủ động thực hiện các phương án tuần tra, canh gác, phòng cháy, chữa cháy rừng. chuẩn bị sẵn sàng máy móc, trang thiết bị dụng cụ chữa cháy  - Nghiêm cấm mọi hành động phá hoại rừng, gây cháy rừng, lấn chiếm rừng và đất rừng, săn bắt, mua bản, vận chuyển, bắt giữ lâm sản cũng như các loài động vật rừng bị cấm khai thác, săn bắt,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu trả lời câu hoi:

• Câu 1. Vì sao cần nén đất 2 lần khi trồng rừng bằng cây con?

• Câu 2. Hãy so sánh quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu đất.

• Câu 3. Em hãy kể các công việc em có thể làm để phát triển, bảo vệ rừng và môi

trưởng sinh thái.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa theo các kiến thức đã học trong bài

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa theo các kiến thức đã học trong bài.

Gợi ý: Tích cực tham gia phong trào trồng cây xanh, chăm sóc và bảo vệ cây xanh ở khu phố, địa phương.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1:** Lấp đất 2 lần là vì:

* Lấp đất lần 1 để đảm bảo gốc cây được chặt không bị đổ
* Lấp đất lần 2 để rễ chắc hơn và đảm bảo hút chất dinh dưỡng từ lòng đất .

**Câu 2:** Giống nhau: Đều gồm các bước: Phải chuẩn bị đất, tạo lỗ trong hố đất, đặt cây vào lỗ trong hố đất, lấp đất, nén chặt, vun đất kín gốc cây.

Khác nhau: Tạo lỗ trong hố đất:

* Trồng cây có bầu chỉ tạo lỗ trong hố đất vừa với bầu, sau đó đặt cả bầu.
* Trồng cây rễ trần phải tạo lỗ sâu trong hố đất để kín rễ, khi lấp đất không làm rễ cong, gãy.

Số lần nén đất:

* Trồng cây có bầu phải có 2 lần lấp và nén đất.
* Trồng cây con rễ trần chỉ có 1 lần lấp và nén đất.

**Câu 3:**

* Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho những người xung quanh về bảo vệ, phát triển rừng.
* Tích cực trồng cây, hăng hái tham gia các phong trào bảo vệ môi trường.
* Nghiêm cấm mọi hành động phá hoại rừng, gây cháy rừng, lấn chiếm rừng và đất rừng, săn bắt, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản cũng như các loài động vật bị cấm khai thác, săn bắt,.. Và cần có chế tài xử phạt đối với những đối tượng cố tình vi phạm
* Vứt rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi.
* Lựa chọn sử dụng những đồ vật thân thiện với môi trường để mua và sử dụng một cách hợp lí.
* Không bẻ cây, bẻ cành, ngắt hoa.
* Thông báo đến cơ quan chức năng về cá nhân hay tổ chức phá hoại rừng.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Qua thông tin, báo chí, truyền hình, em hãy trình bày những hoạt động bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà: Hiện nay, nước ta có những hình thức, hành động thực hiện bảo vệ rừng; sử dụng một số phương tiện trong bảo vệ rừng; đồng thời có những biện pháp xử lí các trường hợp vi phạm công tác bảo vệ rừng....

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Ôn tập chương 3.*

**Ký duyệt , ngày 29 tháng 11 năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 16**

**Ngày soạn: 12/12/2024**

**Ngày dạy: 16/12/2024 7E , 7G**

**CHƯƠNG 4: MỞ ĐẦU VỀ CHĂN NUÔI**

## **BÀI 8: NGHỀ CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực.**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về chăn nuôi để giải quyết vấn đề trong tỉnh huống mới; nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chặn mồi.

+ Giao tiếp và hợp tác; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bảy thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh để thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ: nhận biết vai trò, triển vọng của chăn nuôi với đời sống và sản xuất, đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi;

+ Giao tiếp công nghệ biết được một số thuật ngữ về chăn nuôi.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng chăn nuôi vào thực tiễn của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy. SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học; tranh ảnh về vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nghề trong chăn nuôi.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu nghề chăn nuôi ở Việt Nam

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về vai trò, triển vọng của chân nuôi, một số ngành nghề phổ biến trong chăn môi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu tình huống câu chuyện của hai HS và đặt câu hỏi: Nghề chăn nuôi có triển vọng phát triển như thế nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

**b. Nội dung:** các sản phẩm của chân muôn phục vụ con người, đến sống và sản xuất

**c. Sản phẩm học tập**: vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế, tổ chức cho HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu trong SHS: Từ Hình 8 1, em hãy nêu những lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất.  + GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đội để thực hiện yêu cầu: Kể tên các sản phẩm khác của ngành chăn nuôi mà em biết.  + GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về phân bón hữu cơ vi sinh trong SHS: Việc sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải chăn nuôi giúp tăng hiệu suất cây trồng, đồng thời giúp kiểm soát chất thải vật nuôi, bổ sung chất hữu cơ làm tăng độ phì nhiêu cho đất và giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường một cách hiệu quả.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV gợi mở và dẫn dắt HS tìm ra vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ con người, đời sống, sản xuất và phục vụ tiêu dùng  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vai trò, triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam**  **a. Vai trò của chăn nuôi**  - Cung cấp thực phẩm cho con người như thịt, trứng, sữa, ...  - Cung cấp nguồn thức ăn từ động vật cho gia súc, gia cầm, vật nuôi,  - Cung cấp sức kéo như trâu, bò, ngựa,... phục vụ cho việc canh tác, tham quan du lịch,  - Cung cấp phần bản phục vụ cho sản xuất nông nghiệp,  - Cung cấp nguyên liệu như lông, sừng, da, xương cho các ngành công nghiệp nhẹ. |

**Hoạt động 2: triển vọng của ngành chăn nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

**b. Nội dung:** những ứng dụng công nghệ cao và cơ hội phát triển của ngành chăn nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS xem hình ảnh về một số biện pháp chăn nuôi hiện đại, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: những biện pháp ở hình 8.2 giúp ngành chăn nuôi phát triển như thế nào?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  GV dẫn dắt và tổ chức cho HS rút ra kết luận triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.  + GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về chăn nuôi hữu cơ: là phương thức chăn nuôi sử dụng chủ yếu các nguồn thức ăn hữu cơ, hạn chế nuôi nốt hoặc buộc cố định,…  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  Gắn chip điện tử theo dõi sự sinh trưởng, sức khoẻ,... của vật nuôi → Hiện đại hoá, Chăn nuôi trang trại → Công nghiệp hóa, Mô hình chăn môi công nghiệp → Công nghiệp hóa  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **b. Triển vọng của ngành chăn nuôi**  Ngành chăn nuôi ở Việt Nam phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, liên kết giữa chăn nuôi, giết mổ và phân phối để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, an toàn cho người sử dụng. |

**Hoạt động 3: Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi

**b. Nội dung:** đặc điểm của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi

**c. Sản phẩm học tập:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đội, quan sát Hình 8.3 và thực hiện yêu cầu trong SHS: kể tên nghề chăn nuôi trong mỗi trường hợp sau:  + GV dẫn dắt và tổ chức hoạt động nhóm để HS tìm hiểu và trình bày được các đặc điểm cơ bản của một số nghề chăn nuôi như nhà chăn nuôi, nhà tư vấn nuôi trồng thuỷ sản, bác sĩ thú y.  + GV dẫn dắt và yêu cầu HS kể thêm đặc điểm của một số nghề khác trong lĩnh vực chăn nuôi:  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  Đặc điểm của nghề:  + Kĩ thuật viên nuôi trồng thuỷ sản: nuôi dưỡng, chăm sóc cho thuỷ sản, theo dõi thông số môi trường nước,...  + Lao động chăn nuôi: lên kế hoạch, tổ chức và thực hiện các hoạt động chăn nuôi để nhân giống, chăn nuôi gia súc, gia cầm,… để lấy thịt, sữa,...  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực chăn nuôi như nhà chăn nuôi, nhà tư vấn nuôi trồng thuỷ sản, bác sĩ thú y  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Định hướng nghề nghiệp trong chăn nuôi**  **a. Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi**  - Nhà chăn nuôi: nghiên cứu về giống vật nuôi, kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng bệnh và trị bệnh cho vật nuôi,  - Nhà tư vấn nuôi trồng thuỷ sản: hỗ trợ và tư vấn các kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng dịch bệnh cho thuỷ sản, phát triển các chính sách quản lí nuôi trồng thuỷ sản,  - Bác sĩ thú y: chăm sóc, theo dõi sức khoẻ, chẩn đoán, điều trị và tiêm phòng bệnh cho vật nuôi; tư vấn về sức khoẻ, dinh dưỡng, thức ăn và vệ sinh chăn nuôi. |

**Hoạt động 4: Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bảy được yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi và nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

**b. Nội dung:** những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất của người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi

**c. Sản phẩm học tập:** những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất của người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  +GV tổ chức cho HS hoạt động cả nhân, quan sát Hình 8.4 để trả lời câu hỏi trong SHS: Em nhận thấy bản thân phù hợp với ngành nghề nào? Vì sao?  + GV dẫn dắt để HS trình bày những sở thích, năng khiếu, kĩ năng phù hợp với nghề chăn nuôi  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Người lao động các ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi cần có kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; có kĩ năng sử dụng và bảo quản các thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề và yêu động vật.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **b. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi**  Để đáp ứng yêu cầu trong lĩnh vực chăn nuôi, người lao động cần đáp ứng các yêu cầu sau:  + Có kiến thức đầy đủ về đặc điểm sinh trưởng của vật nuôi, các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi,  + Có kĩ năng nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi, kĩ năng sử dụng, bảo quản tốt các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực chăn nuôi,  + Yêu thích động vật, có tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề, cần cù và đủ sức khoẻ để đáp ứng với yêu cầu của công việc chăn nuôi |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hiểu rõ hơn kiến thức về vai trò, triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam và đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn môi

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ GV dẫn dắt và giải thích cho HS các sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu do chăn nuôi cung cấp.

+ GV tổ chức hoạt động cá nhân, yêu cầu HS trả lời các yêu cầu ở phần Luyện tập

\* Câu 1. Nguyên liệu nào của ngành chăn nuôi được dùng để sản xuất các sản phẩm ở Hình 8.5?

\* Câu 2 Hãy cho biết các biện pháp chăn nuôi hiện đại được thể hiện trong mỗi trường hợp ở Hình 8.6.

Câu 3: Quan sát Hình 8.7 và cho biết đặc điểm của nghề trong mỗi trường hợp

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1**: Thu được từ chăn nuôi để tạo ra sản phẩm

* Hình a: thu từ da
* Hình b: thu từ sừng
* Hình c: thu từ lông

**Câu 2:** a. Chăn nuôi trang trại,b. Chăn nuôi công nghiệp,

c. Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

**Câu 3:** GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và xác định loài vật muỗi trong SHS để xác định tên của nghề cản tuổi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức chăn nuôi trong thực tiễn cuộc sống gia đình và địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Hãy cho biết những nghề trong lĩnh vực chăn nuôi đang được phát triển ở địa phương em. Giải thích nguyên nhân.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

Ở các khu vực không phát triển chăn nuôi như thành phố, thị trấn, GV nên tổ chức cho HS quan sát hình ảnh hoặc xem video clip mô tả đặc điểm hoạt động của nghề trong lĩnh vực chăn nuôi và yêu cầu HS xác định tên của nghệ

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Ôn tập chương 3.*

**Ký duyệt , ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 17**

**Ngày soạn: 19/12/2024**

**Ngày dạy: 23/12/2024 7E , 7G**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 3**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học*: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn,
* *Giao tiếp và hợp tác* biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

* Đánh giá công nghệ

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Nghiên cứu kĩ trong tâm của Chương 3, Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập. SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK
* Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 3**

**a. Mục tiêu:** Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 3

**b. Nội dung:** Mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương

+ Rừng ở Việt Nam.

+ Trồng, chăm sóc và bảo vệ rưng

**c. Sản phẩm học tập:** hệ thống kiến thức, kĩ năng chương 3

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 3.  + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh họa sơ đồ hệ thống hơi kiến thức về rừng, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong SHS  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và hệ thống kiến thức.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài học trong Chương 3  + GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tải hiện những nội dung chi tiết của chương 3.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: sơ đồ kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 3**  (sơ đồ trang 65) |

**Hoạt động 2: Câu hỏi ôn tập**

**a. Mục tiêu:** củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 3.

**b. Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT

**c. Sản phẩm học tập:** đáp án cho các câu hỏi và bài tập

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.  + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập  + GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: | **2. Câu hỏi ôn tập**  *1. Rừng có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất?*  *2. Trình bày mục đích sử dụng và nêu ví dụ minh hoạ các loại rừng phó biến ở Việt Nam.*  *3. Trình bày quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần,*  *4. So sánh quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần. 5. Nêu tác dụng của các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.*  *6. Hãy trình bày các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng và đất rừng.*  *7. Hiện nay, việc bảo vệ rừng ở nước ta thực hiện như thế nào?*  *8. Em có thể làm gì để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng của đất nước?* |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Ôn tập nội dung đã học tiết sau kiểm tra học kì 1 theo lịch nhà trường

**Ký duyệt , ngày 22 tháng 11 năm 2024**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 19:**

**Ngày soạn :16/ 01/2025**

**Ngày dạy: 20/01/2025 (7E , 7G )**

## **BÀI 9: MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt các từ khoá, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính

+ Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý, điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ trình bày được nội dung cơ bản về phương thức chăn nuôi,

+ Giao tiếp công nghệ sử dụng được một số thuật ngữ về phương thức chăn nuôi,

+ Đánh giá công nghệ đưa ra được nhận xét về các phương thức chăn nuôi, lựa chọn được phương thức chăn nuôi phù hợp.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về phương thức chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi,

- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc chăn môi của gia đình,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính,
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học tranh ảnh hoặc video clip mô tả một số phương thức chăn môi, một số vật nuôi.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến tại địa phương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV nêu tình huống câu chuyện của hai HS và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS Ở Việt Nam, trâu, bò, lợn, gà được nuôi như thế nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Để biết được ở Việt Nam, trâu, bò, lợn, gà được nuôi như thế nào? thì chúng ta sang **bài 9: Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu Gia súc ăn cỏ**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số gia súc ăn có phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

**b. Nội dung:** một số loại gia súc ăn cỏ được nuôi ở Việt Nam

**c. Sản phẩm học tập:** gia súc ăn cỏ phổ biến, đặc tưng vùng miền ở Việt Nam

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS hoạt động nhóm, xem hình ảnh về một số giống gia súc ăn cỏ được nuôi ở Việt Nam và thảo luận các yêu cầu sau:  + Nêu đặc điểm phân biệt các giống gia súc ăn có trong Hình 9.1.  + Nêu đặc điểm hình thể của trâu Việt Nam:  + Vì sao gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Phân biệt các giống gia súc ăn có trong Hình 9.1 từ các đặc điểm khác nhau về ngoại hình, màu lông, màu da,...  + Trâu Việt Nam có ngoại hình vạm vỡ, đầu hơi bé, trán và sống mũi thẳng, có con hơi vòng, tai mọc ngang, hay ve vẩy, sừng dài, dẹt, hình cánh cung, hướng về phía sau và hơi vểnh lên trên  + Các khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi cho gia súc ăn có sinh trưởng và phát triển như nhiều đồng cỏ, nguồn thức ăn dồi dào, khí hậu phù hợp với điều kiện sống của gia súc ăn cỏ như trâu, bò, dê.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: *Một số loài gia súc ăn có phổ biến ở VN như trâu, bò, dê, được nuôi nhiều ở Trung du và miền mùi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam**  **a. Gia súc ăn cỏ**  Một số giống gia súc ăn có được nuôi phổ biến ở Việt Nam như:  - Bò vàng Việt Nam có lông màu vàng và mịn, da mỏng;  - Bò sữa Hà Lan có lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao,  - Bò lai Sind: có màu lông vàng hoặc nâu, vai u,  - Trâu Việt Nam đa số có lông, da màu đen xám; tai mọc ngang, sừng dài, hình cánh cung.  - Gia súc ăn cỏ được nuôi phổ biến ở nơi có nhiều đồi núi và đồng cỏ khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về lợn**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số giống lợn phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta

**b. Nội dung:** một số giống lợn được nuôi ở Việt Nam.

**c. Sản phẩm học tập:** một số giống lớn phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về một số giống lợn được nuôi ở Việt Nam.  + GV dẫn dắt và tổ chức hoạt động để HS nhận biết đặc điểm của một số giống lợn được minh hoạ ở Hình 9.3 lớn Móng Cái, lợn Landrace, lợn Yorkshire,  + GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện yêu cầu trong SHS: so sánh đặc điểm ngoại hình của lợn Landrace, lợn Yorkshire?  + GV dẫn dắt HS tim hiểu thêm nội dung về lợn Móng Cái: Lợn Móng Cái có xuất xứ từ thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), hiện nay nuôi tại nhiều tỉnh miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.  Do có khả năng sinh sản khá cao nên bên cạnh việc nuôi lấy thịt, lợn Móng Cái còn được sử dụng làm con nái để phối với giống lợn khác.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày  + Giống nhau thân dài, da màu trắng,  + Khác nhau tại lớn Landrace to, rủ xuống trước mặt, tai lợn Yorkshire dựng lên  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Một số giống lợn phổ biến ở Việt Nam như lợn Móng Cái, lợn Landrace và lợn Yorkshire, được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long | b. Lợn  Một số giống lợn được nuôi ở Việt Nam như:  - Lợn Móng Cái: đặc trưng bởi màu lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hai võng xuống.  - Lợn Landrace: có thân dài màu trắng, tại to rủ xuống trước mặt, có tỉ lệ nạc cao,  - Lợn Yorkshire: có thân dài, da màu trắng, tải dựng lên, có tỉ lệ nạc cao. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về gia cầm**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số giống gia cầm phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta

**b. Nội dung:** một số giống gia cầm

**c. Sản phẩm học tập:** một số giống gia cầm phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV dẫn dắt và tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: Để phân biệt các giống gia cầm ta dựa vào đặc điểm nào?  - GV tổ chức HS hoạt động theo nhóm đội để nêu được đặc điểm của một số giống gia cầm được mình hoa trong Hình 9.4  + GV minh hoa hình ảnh và dẫn dắt HS tìm hiểu thêm nội dung một số giống gia cầm khác trong SHS :   * Vịt xiêm: chân ngắn, dáng đi nặng nề, chậm chạp, đầu gật gù theo nhịp đi, có các giống tuỳ theo màu lông như: xiêm trắng, xiêm đen, xiêm xám; * Vịt bầu: có dáng đi nặng nề, lạch bạch, lông có nhiều nhóm màu khác nhau như: xám hay loang đen trắng; * Gà Đông Tảo: thân hình cao to, da đỏ, chân rất to và thô; mào đỏ tía, ngắn và thun lại; tích màu đỏ.   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Một số giống gia cầm được nuôi phổ biến ở Việt Nam như gà Ri, gà Hồ, vịt cỏ, vịt bầu... được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **c. Gia cầm**  Một số giống gia cầm được nuôi ở Việt Nam như:  – Gà Ri có màu lông đa dạng. Gà mái có màu lông vàng đốm nâu hoặc đen. Gà trống lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh;  – Gà Hồ: có đầu giống hình đầu con công ở gà trống, mào gọn giống hình múi chanh úp ngược hoặc hình quả dâu trên đầu, lông có 2 màu là màu đen ánh xanh và màu đỏ mận chín. Gà mái có lông màu trắng vàng, nâu sọc hoặc nâu nhạt,  – Vịt cỏ (vịt đàn, vịt tàu): có tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi, lông có nhiều màu khác nhau.  - Ngoài ra còn một số giống gia cầm khác có giá trị cao cũng được nuôi nhiều như: ngan (vịt xiêm), vịt bầu, gà Đông Tảo (còn gọi là gà Đông Cảo),... |

**Hoạt động 4: Một số phương pháp chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

**b. Nội dung:** một số phương thức chăn nuôi như chăn thả, nuôi nhốt, bản chăn thả.

**c. Sản phẩm học tập:** một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về các phương thức chăn nuôi chăn thả, môi nhốt, bản chăn thả. GV dẫn dắt HS nhận biết đặc trưng của các phương thức chăn nuôi chăn thả, nuôi nhất (công nghiệp) và bản chăn thả.  - GV chia lớp thành các nhóm thảo luận:  + Nhóm 1,2: tìm hiểu phương thức chăn thả  + Nhóm 3,4: tìm hiểu phương thức nuôi nhốt  + Nhóm 5,6: tìm hiểu phương thức bán chăn thả  + GV gợi mở, dẫn dắt và tổ chức HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi bán chăn thả?  + GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin "Nuôi lợn theo phương thức nuôi nhốt" trong SHS.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  • Phương thức chăn mỗi chăn thả (Hình 9.5a) phụ thuộc vào số lượng và chất lượng nguồn thức ăn cỏ trong tự nhiên. Nếu nguồn thức ăn nhiều và chất lượng tốt thì vật nuôi phát triển tốt và ngược lại,  • Phương thức chăn môi nuôi nhốt (Hình 9.5b) môi trường chăn nuôi, thức ăn, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và vệ sinh phong bệnh có kiểm soát, phù hợp cho từng loại vật nuôi, vật nuôi phát triển tốt,  • Phương thức chăn mỗi bản chân thả (Hình 9.5c) nguồn thức ăn có trong tự nhiên và thức ăn do người chăn nuôi cung cấp đủ dinh dưỡng và đủ khẩu phần ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, vật nuôi phát triển tốt.  + Các vật nuôi phù hợp với phương thức chăn nuôi bản chăn thả như trâu, bò, gà.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Có ba phương thức chăn nuôi được áp dụng phổ biến ở nước ta chăn thả, nuôi nhốt và bản chăn thả  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Một số phương pháp chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**  - Chăn nuôi theo phương thức chăn thả: thường được áp dụng khi nuôi trâu, bò, dê,... với mức đầu tư thấp, kĩ thuật chăn nuôi đơn giản, không có chuồng trại. Vật nuôi đi lại tự do và tự kiếm thức ăn nên cho năng suất thấp và phụ thuộc vào nguồn thức ăn có trong tự nhiên.  - Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt (nuôi công nghiệp): chủ yếu được áp dụng khi nuôi gà, vịt, lợn,... Người chăn nuôi cần đầu tư về chuồng trại, thức ăn, phương tiện và kĩ thuật chăn nuôi. Vật nuôi sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp và được kiểm soát dịch bệnh.  - Chăn nuôi theo phương thức bản chăn thả là phương thức nuôi trong chuồng nuôi kết hợp vườn chăn thả. Vật nuôi được thả ra vườn chăn thả mỗi ngày và được cung cấp thức ăn công nghiệp kết hợp với thức ăn tự tìm kiếm được ngoài tự nhiên. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức về một số loài vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV dẫn dắt, gợi mở để HS thực hiện các yêu cầu trong SHS

1. Hãy quan sát và gọi tên phương thức chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6.

2. Trình bày ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt và bán chăn thả.

3. Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết tên gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.7.

4. Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**1.**

a. Chăn nuôi theo phương thức bản chăn thả,

b. Chăn nuôi theo phương thức chăn thả,

c. Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt.

**2.**

* Phương thức chăn nuôi chăn thả có ưu điểm mức đầu tư thấp, kĩ thuật nuôi đơn giản, nhược điểm khó kiểm soát dịch bệnh.
* Phương thức chăn nuôi muôi nhốt có ưu điểm ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, cho năng suất cao và ổn định nhược điểm chi phí đầu tư cao.
* Phương thức chăn môi bán chăn thả có ưu điểm chuồng trại đơn giản, dễ nuôi, ít bệnh, tư sản xuất con giống, nhược điểm chậm lớn, quy mô đàn vừa phải, khó kiểm soát dịch bệnh.

**3.**

• Gà mái có màu lông vàng đốm, gà trống lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh → gà Ri,

• Lợn có màu lông đen pha lẫn trắng, lưng hơi võng xuống → lợn Móng Cái,

• Vịt có dáng nặng nề, lông loang đen trắng → vịt bầu.

**4.**

- Lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở vùng đồng bằng,

- Trâu, bò được nuôi nhiều ở trung du và miền núi

- Nguyên nhân. Đây là những khu vực có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi, có nguồn thức ăn tự nhiên phong phú, khí hậu phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức:

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Hãy cho biết những giống vật nuôi được nuôi nhiều ở địa phương em và phương thức chăn nuôi đang được áp dụng với các giống vật nuôi đó.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 10*

**Ký duyệt ngày 17 tháng 01 năm 2025**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

**Tuần 20, 21,22**

**Ngày soạn : 23/ 01/2025**

**Ngày dạy: Tiết 20: 03/02/2025 (7E , 7G )**

**Tiết 21: 10/02/2024 (7E , 7G )**

**Tiết 22: 17/02/2024 (7E , 7G )**

**CHƯƠNG 5: NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

## **BÀI 10: KĨ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI**

**I. MỤC TIÊU**

**1.. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: lập và thực hiện được kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tom tắt các từ khoá, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Giao tiếp và hợp tác sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao có 3 điều chính thúc đẩy hoạt động chung: khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhận thức được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

+ Giao tiếp công nghệ sử dụng được rút số thuật ngữ về kĩ thuật chăn nuôi,

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá được tính hợp là của các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

- Trách nhiệm quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy' SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính,
* Chuẩn bị đồ đúng, phương tiện dạy học, tranh ảnh hoặc video clip mô tả vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi, các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về quá trình châu sóc và nuôi dưỡng vật môi ở gia đình, địa phương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ GV nêu tình huống về vật nuôi như gả, vịt và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.

+ GV minh hoạ hình ảnh về các giai đoạn phát triển của một số loài vật nuôi.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Để biết được các kĩ thuật nuôi và chăm sóc vật nuôi như thế nào chúng ta tìm hiểu **bài 10: Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nêu được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

**b. Nội dung:** tác động của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật môi để thực hiện yêu cầu trong SHS Quan sát Hình 10.1 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.  + GV gợi mở, yêu cầu HS tìm hiểu và liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  + GV gợi mở, tổ chức HS học tập theo nhóm đội để tìm hiểu và phân tích về mọi vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  + GV gợi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Theo em, vì sao tiêm vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?*  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi:  + Cho vật nuôi ăn, tắm chải, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng bệnh cho vật nuôi.  + Khi đưa vaccine vào cơ thể vật nuôi khoẻ mạnh (tiêm, nhỏ mắt, nhỏ mũi, uống), cơ thể sẽ phản ứng lại bằng cách tạo ra kháng thể chống lại tác nhân gây bệnh. Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể vật nuôi đã có kháng thể giúp vật nuôi khó bị mắc bệnh, gọi là vật nuôi đã có khả năng miễn dịch.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời, giữ vệ sinh thân thể và chuồng trại giúp đàn vật nuôi sẽ luôn khoẻ mạnh, phát triển tốt.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi**  Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi.  - Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt sẽ phát triển, tăng khối lượng, kích thước cơ thể và có sức khoẻ, sức đề kháng.  - Tiêm phòng hoặc cho uống đầy đủ các loại vaccine, giữ vệ sinh thân thể và vệ sinh chuồng trại, giúp đàn vật nuôi phỏng ngửa được bệnh dịch  - Điều trị đúng bệnh và kịp thời giúp đàn vật nuôi luôn khoẻ mạnh, phát triển tốt. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non

**b. Nội dung:** một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non

**c. Sản phẩm học tập:** một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS xem hình ảnh về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong SHS: Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh hoa ở Hình 10.2.  + GV gợi mở và dẫn dắt HS khám phả các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  + Chức năng tiểu hoa của lợn con (Hình 10.2a) và bé con (Hình 10.24) chưa hoàn chỉnh và khả năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém. Sự điều hoà thân nhiệt của gà con (Hình 10 2b) chưa hoàn chỉnh  + Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non. Ví dụ: Ở gà con, khả năng sinh nhiệt kém, điều tiết thân nhiệt kém, dễ bị nhiễm lạnh, để phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hoá... Ở lợn con, do chức năng miễn dịch kém, để kháng kém… để phát sinh các bệnh về tiêu hoá, bệnh cảm sốt,...  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Tùy theo từng loại vật nuôi non, cơ thể sẽ có những đặc điểm sau sự điều tiết thiên nhiệt chưa hoàn chính, chức năng của hệ tiêu hoả chưa hoàn chỉnh, chức năng triển dịch chưa tốt, sức đề kháng kém | **2. Chăn nuôi vật nuôi**  **a. Chăn nuôi vật nuôi con**  *\** ***Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non***  Cơ thể vật nuôi non có những đặc điểm sinh lí sau:  - Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh,  - Chức năng của hệ tiêu hoá chưa hoàn chỉnh,  - Chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém hơn so với vật nuôi trưởng thành. |

**Hoạt động 3: Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi con**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nêu được một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non

**b. Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non

**c. Sản phẩm học tập:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở và yêu cầu HS xem Hình 10.3, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đối để thực hiện yêu cầu trong SHS: Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật tuổi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở Hình 10.3.  + GV gợi mở, dẫn dắt và tổ chức HS hoạt động theo nhóm để kể tên các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non  + GV dẫn dẵn HS tìm hiểu thêm về thành phần sữa đầu của lợn.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Hình a ủ ấm cho gà con,   * Hình b. Cho bú sữa, đặc biệt là sữa đầu để cung cấp dinh dưỡng, không thể cho lợn con. * Hình c. Cung cấp dinh dưỡng cho lợn con thông qua thức ăn, * Hình d. Cho lợn con vận động giúp cơ thể khoẻ mạnh, * Hình e: Giữ vệ sinh chuồng nuôi, * Hình f. Phòng bệnh cho vật nuôi non.   - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Để vật nuôi non khoẻ mạnh, cần cho bú sữa đấu, tập cho ăn sớm. Cho vật nuôi được vận động, sưởi ấm, tiếp xúc nhiều với nắng sớm và được nuôi trong môi trưởng đảm bảo vệ sinh. Tiêm phòng định kì, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **\* Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi con**  Để vật nuôi non khoẻ mạnh, phát triển và kháng bệnh tốt, cần môi dưỡng và chăm sóc phù hợp với đặc điểm phát triển của cơ thể vật nuôi.  - Sưởi ấm để tránh nhiễm lạnh làm phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hoá cho vật nuôi non,  - Nuôi dưỡng:  + Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật mỗi non chống lại bệnh tật,  +Tập cho ăn sớm để cung cấp dinh dưỡng cho vật nuôi non và giúp hệ tiêu hóa phát triển hoàn thiện.  - Chăm sóc:  + Cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khoẻ mạnh và trao đổi chất tốt,  + Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo, cho uống hoặc tiêm vaccine phòng bệnh đầy đủ,  + Thường xuyên theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. Nhanh chóng cách li vật nuôi non nhiễm bệnh để tránh lây lan. |

**Hoạt động 4: Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống

**b. Nội dung:** một số tiêu chuẩn đối với vật nuôi đực giống có chất lượng cao.

**c. Sản phẩm học tập:** yêu cầu đối với vật nuôi đực giống

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về vật nuôi đực giống, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cả nhân để trả lời câu hỏi trong SHS Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?  + GV gợi mở, dẫn dắt, tổ chức HS hoạt động nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong SHS: Các vật nuôi đực giống trong Hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?  + GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đội để khám phá các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống.  + GV yêu cầu thảo luận theo cặp và cho biết các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống:   * Đối với lợn, bò, dê * Đối với gà, vịt   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Góp phần sản sinh đàn con khoẻ mạnh và phát triển tốt.  + Bò đực Brahman đó, lợn đục Landrace và dê đực giống đều có cơ thể căn đối, rắn chắc  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Vật nuôi giống cần cân đối, rắn chắc, khoẻ mạnh thể hiện rõ tính đực.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **b. Chăn nuôi vật nuôi đực giống**  ***\* Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống***  - Mục đích của nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống nhằm đạt khả năng phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt. Vì vậy, vật nuôi đực giống cần có nguồn gene tốt, cơ thể khoẻ mạnh, khả năng kháng bệnh tốt, thể hiện rõ tỉnh đực.  + Đối với lợn, bò, dê: con đực giống cần có cơ thể cân đối, rắn chắc, không béo quá hay gầy quá, tăng trọng tốt, nhanh nhẹn, có số lượng và chất lượng tinh dịch tốt.  + Đối với gà, vịt: con trống phải có cơ thể to, mạnh mẽ, không quá béo hay quá gầy, nhanh nhẹn. |

**Hoạt động 5: Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống.

**b. Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi đực giống

**c. Sản phẩm học tập:** một số công việc môi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi. Để có sức khoẻ và thể trạng tốt, vật nuôi đực giống cần được nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào?  + GV dẫn dắt HS nêu được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.  + GV gợi mở, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về chăn nuôi bò đực giống trong SHS: Chăn nuôi bò đực giống:   * Mùa hè: chăn thả tự do theo nhóm trên đồng cỏ có hệ thống cung cấp nước uống, cây hay lán che mát. * Mùa đông: ban ngày nuôi nhốt theo nhóm tự do trong sân, cho ăn trong máng ăn.   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Vật nuôi đực giống cần được cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng, cho vật nuôi vận động hằng ngày, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh, tiêm phòng định kì, theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm. | **\* Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống**  – Nuôi dưỡng: cung cấp thức ăn có đủ năng lượng, protein, vitamin và những chất khoáng có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển tính dục của vật nuôi đực giống như: zinc (kem), manganese (mangan), iodine.  – Chăm sóc:  + Cho vật nuôi đực giống vận động hằng ngày để cơ thể săn chắc, nhanh nhẹn, trao đổi chất tốt,  + Giữ vệ sinh chuồng trại và tắm, chải cho vật nuôi;  + Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi đực giống,  + Thường xuyên theo dõi để phát hiện bệnh kịp thời. Nhanh chóng cách li và điều trị các vật nuôi đực giống nhiễm bệnh,  + Kiểm tra định kì thể trọng và tinh dịch của vật nuôi đực giống. |

**Hoạt động 6: Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.

**b. Nội dung:** một số yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản có chất lượng cao.

**c. Sản phẩm học tập:** một số yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản có chất lượng cao.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho HS làm việc cả nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS: Cơ thể vật môi thay đổi như thế nào khi mang thai (Hình 10.5)?  + GV cho HS xem hình ảnh về giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (Hình 10.6).  + GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đòi để nêu được yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản  + GV gợi mở, dẫn dắt HS đọc và tìm hiểu thông tin về số con non trong một lửa để của trâu, bò, dê: Các vật nuôi như trâu, bò thường đẻ 1 con/lứa, dê thường đẻ 2 con/lứa, lợn thường đẻ trung bình khoảng từ 10 đến 15 con/lúa.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi:  + Vùng bụng to ra, bầu vú nẩy nở, thân hình mập mạp  + Vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con có nhiệm vụ sinh con có tỉ lệ sống, cho con bú và chăm sóc đàn con khỏe mạnh.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Vật nuôi cái sinh sản cần có khả năng sinh con có tỉ lệ sống cao, tiết sữa tốt, tỉ lệ con nuôi sống đến lúc cai sữa cao, đàn con có chất lượng tốt. | **c. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản**  **\* Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản**  - Mục đích của muôn chưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản nhằm giúp vật tôi có khả năng sinh sản tốt, tiết sữa và nuôi con khoe manh, sinh con có tỉ lệ sống và tỉ lệ con nuôi sống đến lúc chỉ sửa cao, đàn con có chất lượng tốt (cân nặng đồng đều).  + Đối với lợn, bò, dê sinh sản đúng chu kì, đủ sữa nuôi con, sữa có thành phần dinh dưỡng tốt.  + Đối với gà, vịt tăng trọng tốt, có đủ lượng calcium và các chất dinh dưỡng cần thiết để tạo trung có chất lượng tốt. |

**Hoạt động 7: Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản

**b. Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản

**c. Sản phẩm học tập:** một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gợi mở vấn đề của chế độ nuôi dưỡng ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con.  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để trả lời câu hỏi: Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thể nào đến đàn vật nuôi con?  + GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do kí sinh trùng như giun, sản, về,... gây ra cho vật nuôi ?  + GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đôi để kể được những yêu cầu khi chăm sóc vật mỗi cái sinh sản?  + GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin về nuôi dưỡng bỏ cái mang thai.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Quá trình chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động mạnh đến sự sinh trưởng, phát triển, tăng khả năng miễn dịch của đàn vật môi con.  + Tiêm phóng và điều trị bệnh kịp thời, thường xuyên tắm, chải, vệ sinh cho vật nuôi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vira tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Ở giai đoạn mang thai và nuôi con, vật nuôi cái sinh sản cần được cung cấp đủ các chất dinh dưỡng và bổ sung thêm thức ăn như rau tươi, củ, quả,... Cần theo dõi, chăm sóc khi vật nuôi sinh con để có chế độ vận động phủ hợp, đảm bảo vệ sinh và tiêm phòng bệnh. | **\* Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản**  - Nuôi dưỡng  + Cung cấp đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng như: protein, chất khoáng (Ca, P,...), vitamin (A, B, D, E,..) cho giai đoạn mang thai để nuôi cơ thể mẹ tăng trưởng, chuẩn bị tiết sữa sau đó,  + Thêm thức ăn như rau tươi, củ, quả,... cung cấp cho giai đoạn tuổi con để vật nuôi cái sinh sản hồi phục cơ thể sau đó, tạo sản muôi con, nuôi cơ thể mẹ và chuẩn bị cho kì sinh sản tiếp theo  - Chăm sóc:  + Cho vật nuôi vận động phù hợp để cơ thể vật nuôi tăng cường trao đổi chất. Tắm, chải, vệ sinh chuồng trại và dụng cụ cho ăn giúp vật muốn tránh nhiễm bệnh (nhất là ở cuối giai đoạn mang thai),  +Theo dõi và chăm sóc kịp thời khi vật nuôi đẻ để bảo vệ đàn vật nuôi sơ sinh,  + Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi cái sinh sản,  + Thưởng xuyên theo dõi nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. Cách li vật ngôi tái nhiễm bệnh để tránh lây lan cho đàn vật nuôi con. |

**Hoạt động 8: Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

**b. Nội dung:** yêu cầu vệ sinh trong xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, xử lí phân, rác, khi nuôi dưỡng của vật nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** các yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 10.7, tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi để nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.    + GV cho HS xem hình ảnh về chất thải và rác thải trong chăn nuôi, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: Chất thải và rào thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khoẻ của con người như thế nào?  + GV dẫn dắt để HS nêu thêm những yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Ô nhiễm môi trường là nguyên nhân gây ra một số bệnh cho con người (ví dụ: bệnh về hô hấp, bệnh ngoài da,...).  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Các yếu tố môi trường sống của vật nuôi như khí hậu trong chuồng, xây dụng chuồng môi, thức ăn và mước uống cần được đảm bảo các yêu cầu vệ sinh | **3. Vệ sinh trong chăn nuôi**  **a. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi**  Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi cần phải đạt được các yêu cầu  + Khi lưu trong chuồng: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí,... thích hợp để vật nuôi sinh trưởng và phát triển,  + Xây dựng chuồng nuôi hướng chuồng, kiểu chuồng đảm bảo thông gió, đủ ánh sáng, kiểm soát được nhiệt độ, chuồng được giữ vệ sinh, khô ráo, sạch sẽ,  +Thức ăn và nước uống đảm bảo vệ sinh,  + Xử lí phân, rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn trong chăn nuôi, bảo đảm chất lượng chăn nuôi cũng như sức khoẻ của con người. |

**Hoạt động 9: Vệ sinh thân thể vật nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh thân thể vật nuôi.

**b. Nội dung:** ý nghĩa và công việc vệ sinh thân thể vật nuôi

**c. Sản phẩm học tập:** các công việc vệ sinh thân thể vật nuôi

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở, dẫn dắt HS tìm hiểu và rút ra kết luận về ý nghĩa và các công việc cần làm để vệ sinh thân thể vật nuôi.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Khi chăn nuôi, cần bảo đảm vệ sinh thân thể cho vật nuôi; tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lí | **b. Vệ sinh thân thể vật nuôi**  - Muốn vật nuôi khoe manh, cho năng suất cao, không những phải cho ăn uống đầy đủ môi trường sống bảo đảm mà còn phải chú ý đến vệ sinh thân thể cho vật nuôi. Tùy loại vật nuôi, tuỳ mùa mà tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lí |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bênh cho vật nuôi.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

1. Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi?

2. Trình bày biện pháp nuôi dưỡng chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong Hình 10. 8.

3. Cách chăm sóc vật nuôi đực giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

2. Hình a sưởi ấm, vận động, tiếp xúc nắng sớm, Hình b: sưởi ấm bú sữa đầu, vận động; Hình c: bú sữa đầu, vận động. Ngoài ra, khi nuôi dưỡng, chăm sóc các vật nuôi non cần đảm bảo giữ vệ sinh chuồng, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.

3: GV hướng dẫn trả lời dựa trên sự khác biệt về đặc điểm của hai nhóm vật nuôi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Quan sát, tìm hiểu và nhận xét công việc chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi ở địa phương e.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau. HS xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương. Nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kĩ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 11.*

**Ký duyệt ngày 24 tháng 01 năm 2025**

**Tổ trưởng tổ chuyên môn**

**Nguyễn Đăng Định**

Tuần 23

Ngày soạn:

Ngày dạy:…/…/…

## **BÀI 11: KĨ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ THỊT THẢ VƯỜN (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt các từ khoá, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý, điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhân thức được nội dung cơ bản về kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thủ vườn,

+ Giao tiếp công nghệ biết được một số thuật ngữ về kĩ thuật chăn nuôi,

+ Đánh giá công nghệ đưa ra được nhận xét về tính hợp lí của các kĩ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gà, lựa chọn được con giống và kĩ thuật nuôi phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi gà thịt thả vườn,

- Trách nhiệm quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả kĩ thuật nuôi gà thả vườn.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về quá trình môi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho gả tại địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phỏng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn

**b. Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tinh hoa hình ảnh một số giống gà thịt nuôi thả vườn. GV nêu tình huống nuôi và chăm sóc gà thả vườn và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: *Làm thế nào để nuôi gà thịt thả vườn mau lớn, khoẻ mạnh?*



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chưa kết luận đúng sai và dẫn dắt vào bài.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Để biết cách nuôi gà thịt thả vườn mau lớn, khoẻ mạnh thì chúng ta tìm hiểu ***bài 11: Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Quy trình chăn nuôi**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được quy trình chung trong chăn nuôi

**b. Nội dung:** quy trình chung trong chăn nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** các bước chính trong quy trình chăn nuôi

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS xem hình ảnh về công việc trong quy trình chăn nuôi, tổ chức cho HS hoạt động theo cặp để trả lời câu hỏi trong SHS: kể tên những công việc chăn nuôi được minh hoạ trong hình 11.1 và sắp xếp theo thứ tự?    **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV dẫn dắt HS tìm ra quy trình chăn nuôi.  + GV tổ chức, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm nội dung yêu cầu của chuồng nuôi tại các khu dân cư.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.   * Hình a tiêm phòng bệnh cho vật nuôi, * Hình b chọn giống vật nuôi, * Hình c làm chuồng trại, * Hình d nuôi dưỡng, chăm sóc cho đàn vật nuôi. * Thứ tự hợp lí: c, b, d, a.   - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về quy trình chung trong chăn nuôi.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **1. Quy trình chăn nuôi**  - Để chăn nuôi hiệu quả, cần thực hiện các công việc theo quy trình chuẩn bị chuồng trại và xây dựng bài chăn thả trước khi chăn nuôi → chọn giống và con giống - nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho đàn vật nuôi. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị chuồng trại**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chuẩn bị và yêu cầu của chuồng trại nuôi gà thịt thả vườn

**b. Nội dung:** các công việc cần chuẩn bị và yêu cầu về chuồng nuôi và bãi chăn thả khi nuôi gà thịt thả vườn.

**c. Sản phẩm học tập:** yêu cầu về chuồng trại khi nuôi gà thịt thả vườn.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS xem hình ảnh về chuồng trại nuôi gà, yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS.  + Nêu yêu cầu của chuồng trại nuôi gà thể hiện trong mỗi trường hợp được minh hoa ở Hình 11.2    + Vì sao nền chuồng nuôi gà cần khô ráo, thoáng mát và dễ dọn vệ sinh?  + GV cho HS xem hình ảnh mô hình chuồng nuôi, vườn chăn thả, dẫn dắt để HS trả lời câu hỏi: Vườn chăn thả đem lại những ích lợi gì cho đàn gà?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  + GV giúp HS nêu thêm những yêu cầu khác về vườn chăn thả.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về chuẩn bị chuồng trại nuôi gà.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:   * Phân tích Hình 11.2a để xác định được yếu tố của chuồng gả hứng được nắng. * Phân tích Hình 11.2b để xác định được yếu tố vườn chăn thả bằng phẳng và có bóng mát cây xanh, có máng ăn. * Phân tích Hình 11.2c để xác định được yếu tố có mảng uống đặt trong vườn thả để gả dễ dàng uống nước.   + Để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi, môi trường chăn nuôi và môi trường sống xung quanh giúp gà khoẻ mạnh, phát triển tốt.  + Vườn chăn thả là nơi tạo thêm nguồn thức ăn cho gà như giun đất, dế, cỏ. Vườn chăn thả là nơi gà chạy nhảy, tìm kiếm thức ăn và vận động.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: | **2. Chăn nuôi gà thịt thả vườn**  **a. Chuẩn bị chuồng trại**  - Chuồng nuôi phải được thiết kế đủ rộng, cửa chuồng mở ra hướng đông hoặc đông nam và có hệ thống cống rãnh để xử lí chất thải, nước thải. Rào xung quanh vườn chăn thả gà để ngăn thú hoang hoặc thú nuôi khác, trong vườn chăn thả cần đặt máng ăn, treo máng uống đầy đủ. |

**Hoạt động 3: Chọn gà giống**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các giống gà thịt có thể nuôi thả vườn.

**b. Nội dung:** một số giống gà thịt nuôi thả vườn phổ biến.

**c. Sản phẩm học tập:** một số giống gà thịt có thể nuôi thả vườn.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về một số giống gà thịt nuôi thả vườn, yêu cầu HS trả lời câu hỏi : theo em các giống gà thịt thả vườn như hình 11.4 có đặc điểm hình thể như thế nào?    - GV dẫn dắt HS nhận biết yêu cầu của các giống gà thịt được chọn nuôi thả vườn.  - GV tổ chức, dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thêm thông tin về gà Đông Tảo trong SHS.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Hình thể cân đối, săn chắc, dễ thích nghi với môi trường sống. Ngoài ra, các giống gà này còn dễ nuôi, mau lớn, thịt ngon.  + Gà Đông Tảo có nguồn gốc từ xã Đông Tảo, tỉnh Hưng Yên, là giống gà quý hiếm của Việt Nam. Gà Đông Tảo có thịt thơm ngon, hình thể đặc biệt cao lớn, màu sắc đẹp nên ngoài nuôi lấy thịt còn được nuôi để làm cảnh.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **b. Chọn gà giống**  - Chọn giống gà dễ nuôi, dễ thích nghi với điều kiện khí hậu và môi trường sống, có năng suất cao, chất lượng thịt ngon. |

**Hoạt động 4: Chọn gà con giống**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được cách chọn lựa gà con làm giống

**b. Nội dung:** các yêu cầu đối với gà con giống

**c. Sản phẩm học tập:** cách chọn gà con làm giống

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS xem hình ảnh gả con giống, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: thể trạng của gà con giống ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phát triển của đàn gà?    + GV đặt vấn đề để phân tích các yêu cầu khi chọn gà con giống nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân thắng, mập,... (những biểu hiện hình thể của gả con giống khoẻ mạnh) — gà lớn nhanh, ít mắc bệnh.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Thể trạng của gà con giống khoẻ mạnh sẽ giúp gà lớn nhanh, ít mắc bệnh  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | \* **Chọn gà con giống**  - Gà con chọn làm giống phải đồng đều về khối lượng, nhanh nhẹn, mắt sáng, mỏ to, lỏng bỏng, bụng gọn, chân thắng. |

**Hoạt động 5: Tìm hiểu thức ăn cho gà**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết thức ăn cho gà

**b. Nội dung:** thành phần thức ăn và kĩ thuật cho ăn theo các giai đoạn phát triển của gà.

**c. Sản phẩm học tập:** thành phần thức ăn và kĩ thuật cho ăn theo các giai đoạn phát triển của gà.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS tổ chức làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong SHS: *Nhu cầu thức ăn thay đổi như thế nào trong quá trình phát triển?*  + GV tổ chức, dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thêm thông tin nhu cầu chất đạm theo từng giai đoạn phát triển của gà thịt.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Nhu cầu thức ăn cung cấp đủ và tăng lên theo các giai đoạn phát triển của gà.  + Nhu cầu chất đạm theo từng giai đoạn phát triển của gà thịt:   * Giai đoạn gà con dưới 4 tuần tuổi: 20%. * Giai đoạn từ 5 tuần tuổi đến khi xuất chuồng: khoảng 16 – 18%. * Giai đoạn gà thịt: năng lượng tối thiểu là 2 900 kcal/kg, lượng đạm tối thiểu là 20%.   - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **c. Kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc**  **\* Thức ăn cho gà**  Thành phần thức ăn và kĩ thuật cho ăn phù hợp với giai đoạn phát triển:  - Giai đoạn gà con (từ 1 ngày đến 4 tuần tuổi): cho ăn tự do loại cám được chế biến phù hợp với khả năng tiêu hoá của gà. Rải đều thức ăn lên khay ăn tuỳ theo định lượng thức ăn cho số gà (dảy khoảng 1 cm), cho ăn 6 – 7 lần/ngày. Trước khi rải thức ăn mới nên vệ sinh sạch lương thức ăn thira còn lại trên khay ở lần cho ăn trước. Đặt xen kẽ máng uống với khay ăn và thay nước khoảng 2 – 3 lần/ngày.  - Giai đoạn gà tơ (gà non, mới lớn): phối trộn thêm lúa, gạo và rau vào trong thức ăn để tăng cường chất dinh dưỡng cho gà.  - Giai đoạn gà thịt gia tăng lương thức ăn, nước uống, đồng thời bổ sung thêm thức ăn giàu chất đạm, rau xanh,... để gà lớn nhanh và chắc xương hơn. |

**Hoạt động 6: Tìm hiểu chế độ chăm sóc**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nêu được chế độ chăm sóc gà thịt thả vườn

**b. Nội dung:** chế độ chăm sóc theo từng giai đoạn phát triển của gà thịt thả vườn.

**c. Sản phẩm học tập:** chế độ chăm sóc gà thịt thả vườn

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS tổ chức làm việc nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong SHS: *Hãy liệt kê các kĩ thuật chăm sóc vật nuôi non phù hợp để chăm sóc gà con.*  + GV dẫn dắt HS phân tích nội dung các công việc chăm sóc gà thịt thả vườn.  +GV tổ chức, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin nguyên tắc sưởi ấm gà con trong SHS: Nguyên tắc sưởi ấm gà con: Khi ngày tuổi của gà càng lớn, nhiệt độ sưởi ấm phải càng thấp và càng gần với nhiệt độ môi trường nuôi. Việc giảm dần nhiệt độ sưởi ấm giúp gà thích nghi dần và hoạt động tốt trong môi trường tự nhiên.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi: Giữ ấm cho cơ thể, tập cho vật nuôi non ăn sớm với thức ăn đủ chất dinh dưỡng, cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với ánh sáng và giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Chăm sóc theo từng giai đoạn phát triển của gà đúng cách, đúng thời điểm kết hợp với chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ. | **\* Chế độ chăm sóc**  - Chăm sóc theo từng giai đoạn phát triển của gà đúng cách, đúng thời điểm kết hợp với chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.  + Giai đoạn gà con sử dụng đèn thắp sáng để sưởi ấm trong vài tuần đầu sau khi gà nở và vào mùa đông, đồng thời phòng chuột, mèo và kích thích gà ăn được nhiều thức ăn . Khi gà nuôi được 1 tháng tuổi, hằng ngày thả gà ra vườn chăn thả vài giờ khi nắng ấm.  + Giai đoạn gà tơ và gà thịt gà lớn dần, có thể tăng thêm thời gian thả ra vườn khi nắng ấm và lùa gà về chuồng trước lúc mặt trời lặn. Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống để tránh vi khuẩn gây bệnh phát triển. |

**Hoạt động 7: Phòng và trị bệnh**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được biện pháp phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

**b. Nội dung:** các công việc cần làm để phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn

**c. Sản phẩm học tập:** các công việc phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem hình ảnh về một số hoạt động phòng bệnh cho gà, tổ chức cho HS làm việc nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS:  + Ở môi trường hợp trong Hình 11.7, người chăn nuôi đã làm công việc gì để phòng và trị bệnh cho gà?    + Giữa phòng và trị bệnh cho gà nuôi, theo em công tác nào quan trọng hơn? Vì sao?  - GV dẫn dắt HS phân tích nội dung các công việc cần phải thực hiện để phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.  - GV dẫn dắt, tổ chức để HS tìm hiểu thêm thông tin một số biểu hiện gà mắc bệnh:  + Bệnh cầu trùng: gà xù lông, xệ cánh, bỏ ăn, đi phân nhớt màu nâu.  + Nhiễm khuẩn E. coli: gà ủ rũ, bỏ ăn, xù lông, xệ cánh, ngoẹo đầu, đi đứng loạng choạng, tiêu chảy phân màu xanh trắng.  + Bệnh tụ huyết trùng (bệnh toi gà): gà ủ rũ, bỏ ăn, xù lông, sã cánh, đi lại chậm chạp, gầy còm, đi phân có bọt màu vàng.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Hình a. khử trùng chuồng trại chăn nuôi gà, Hình b: tiêm phòng thuốc trị bệnh cho gà.  + Công tác phòng bệnh cho gà nuôi quan trọng hơn trị bệnh vì nếu phỏng bệnh tốt cho vật nuôi thì vật nuôi sẽ cho sản phẩm chất lượng cao, số lượng nhiều, ngoài ra chi phí phòng bệnh sẽ thấp hơn chi phí chữa bệnh. Nếu vật nuôi bị bệnh, ta phải dùng thuốc chữa bệnh; nếu bệnh quá nặng, vật nuôi sẽ chết, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế. Ngoài ra, khi vật nuôi bị bệnh, bệnh có thể lây lan ra toàn bộ vật nuôi khác, gây thiệt hại lớn hơn khi phòng bệnh cho vật nuôi đầy đủ  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Để phòng bệnh, cần giữ vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, thực hiện tiêm phòng bệnh cho gả. Bảo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi đàn gà có triệu chứng bệnh, bệnh dịch; cách li riêng gà bệnh và bổ sung thêm chất dinh dưỡng, vitamin để tăng tim được để tăng sức đề kháng cho gà. Sau khi điều trị bệnh, cần dọn vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi và môi trường xung quanh. | **d. Phòng và trị bệnh**  - Để phòng bệnh cho đàn gà cần phải thực hiện các công việc sau:  + Giữ cho chuồng trại luôn sạch sẽ, khô ráo, thoảng mát,  + Tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho gà theo định kì để phòng bệnh,  + Đảm bảo cung cấp đủ chất dinh dưỡng giúp gà có được sức để kháng tốt nhất.  - Khi đàn gà nuôi có triệu chứng bệnh, cần bảo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị cho đàn gà. Cách li riêng những giả bệnh và bổ sung thêm chất dinh dưỡng, vitamin để tăng sức để kháng cho gà.  - Sau khi điều trị bệnh cho gà, cần dọn vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi và môi trường xung quanh để chống tình trạng gà tái nhiễm bệnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn các kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu trả lời câu hỏi:

*1. Hãy cho biết tác dụng của việc thả gà ra vườn chăn thả khi mặt trời mọc và lùa gà về chuồng trước lúc mặt trời lặn.*

*2. Hãy nêu đặc điểm của chuồng nuôi gà hợp vệ sinh. Tại sao chuồng nuôi cần cách xa khu vực người ở?*

*3. Vì sao việc cung cấp thức ăn lại phụ thuộc vào các giai đoạn sinh trưởng của gà?*

*4. Vì sao cần tiêu độc, khử trùng chuồng trại sau mỗi đợt nuôi?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức:

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Em hãy tìm hiểu và mô tả lại quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi của người dân địa phương nơi em sinh sống.

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước Dự án 2.

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **DỰ ÁN 2: KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VẬT NUÔI TRONG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.

- Lập được kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi;

- Rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc lập kế hoạch và thực hiện dự án

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân, chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án,

+ Giao tiếp và hợp tác biết trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhân biết các yêu cầu, công việc khi nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi,

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá kế hoạch hợp lí để nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi, xác định chi phí và hiệu quả nuôi vật nuôi

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp.
* Biểu mẫu bảng kể hoạch, bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Giấy, bút, máy tính cầm tay,...
* Thiết bị hỗ trợ: máy tính có kết nối internet,
* Tài liệu hướng dẫn quy trình và kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật môi như gả, lợn,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV dụng hình thức học tập toán lớp và học tập theo nhóm.

+ GV nên chủ để và mục tiêu của dự án

+GV nên tiêu chí đánh giá kết quả dự án.

+ GV nêu các thiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện để hoàn thành dự án

+ GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS lắng nghe hướng dẫn và chia nhóm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV dẫn dắt HS vào dự án.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động : Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch dự án

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chi tiết việc thực hiện các nhiệm vụ của dự án

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ.  + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.   * Thảo luận để lựa chọn một loại vật nuôi; * Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án; * Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc của dựản, * Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.   **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, lập kế hoạch  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kế hoạch  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Xây dựng kế hoạch**  - Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính, công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án

**b. Nội dung:** lập bảng kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** bảng kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đó.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập các thông tin về các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.

+ GV cung cấp các thông tin về số lượng, đơn giá của con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi,... cho kế hoạch nuôi và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm

+ GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lí quá trình thực hiện dự án.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, thực hiện kế hoạch

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kế hoạch.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÁO CÁO KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI**  **1. Giới thiệu**  - Giống vật nuôi chọn nuôi  - Phương thức nuôi  - Số lượng nuôi  - Điều kiện sinh trưởng và phát triển  **2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Công việc cần làm | Thời gian thực hiện | Dụng cụ, vật liệu cần thiết | Ghi chú | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  |   **3. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Các loại chi phí | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Ghi chú | | 1 | Vật liệu xây dựng chuồng nuôi |  |  |  |  |  | | 2 | Dụng cụ nuôi dưỡng |  |  |  |  |  | | 3 | Con giống |  |  |  |  |  | | 4 | Thức ăn |  |  |  |  |  | | 5 | Thuốc thú y |  |  |  |  |  | | 6 | Công chăm sóc |  |  |  |  |  | | 7 | Chi phí khác |  |  |  |  |  | | Tổng cộng | | | | |  |  | |

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức: Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình gồm các nội dụng, công việc cần làm, thời gian thực hiện, dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi gồm các nội dung tính chi phí của từng loại (con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi), tổng số tiền.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án, giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

**b. Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình và bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi

**c. Sản phẩm học tập:**

+ Bản báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại vật nuôi,

+ Bảng tính toán chi phí và hiệu quả muôi loại vật nuôi đã chọn.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: các nhóm báo cáo dự án theo mâũ ở phần Luyện tập

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ báo cáo dự án

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả theo mẫu.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài ôn tập chương 4 và chương 5*

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức đã học về chăn nuôi nghề chăn nuôi, phương thức chăn nuôi, môi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi,

-Vận dụng những kiến thức đã học ở Chương 4 và Chương 5 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề về chăn nuôi.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+Tự chủ và tự học chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn,

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học. thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cả nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức đúng và biết vận dụng kiến thức ở chương 4,5 vào thực tiễn

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Hãy trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã học ở chương 4,5.

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã học ở chương 4,5.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động : Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 4,5**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 4 và Chương 5.

**b. Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 4 và Chương 5

+ Nghề chăn nuôi ở Việt Nam,

+Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam,

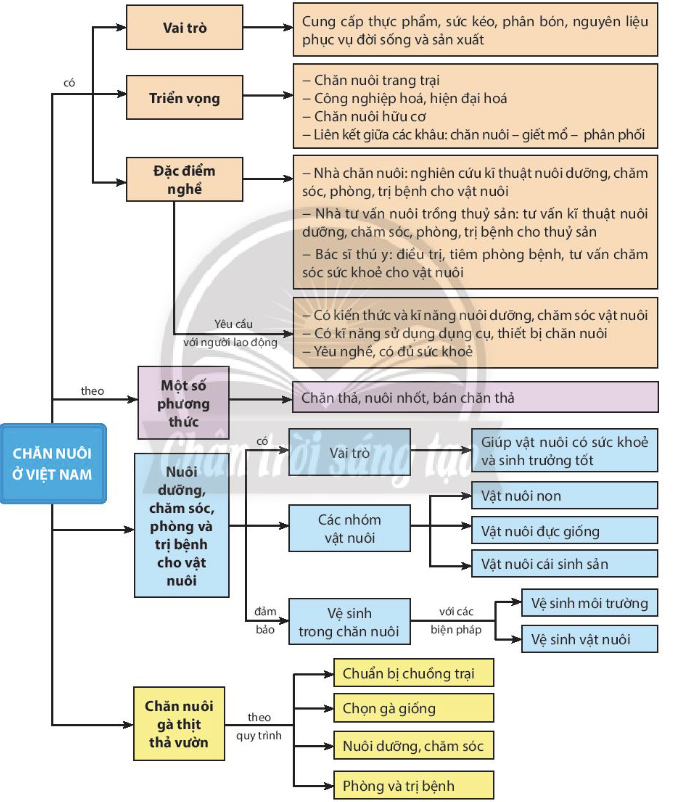
+ Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

+ Chăn nuôi gả thịt thả vườn

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng của Chương 4 và Chương 5.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 4 và Chương 5.  + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chương 4 và Chương 5 trong SHS GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài học.  + GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của Chương 4 và Chương 5  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 4,5**  sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng của Chương 4 và Chương 5 |



**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 4 và Chương 5,

**b. Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.

**c. Sản phẩm học tập:** đáp án cho các câu hỏi và bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.

1. Ngành chăn nuôi có vai trò như thế nào trong nền kinh tế nước ta?

2. Hãy kể tên một số nghề phổ biến trong chăn nuôi.

3. Hãy trình bày những đặc điểm cơ bản của các nghề phổ biến trong chăn nuôi.

4. Trình bày ưu và nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

5. Trình bày mục đích và biện pháp chăn nuôi vật nuôi đực giống.

6. Khi nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản cần phải chú ý những vấn đề gì? Vì sao?

7. Hãy nêu tầm quan trọng và những yêu cầu của việc vệ sinh trong chăn nuôi.

8. Tại sao các chất dinh dưỡng như protein, chất khoáng, vitamin cung cấp cho vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con

9. Tìm hiểu trên báo chí và internet để biết những biện pháp mới trong chân nuôi. Từ đó, đề xuất biện pháp cải tiến hoạt động chăn nuôi ở địa phương em.

10. Vai trò của chuồng nuôi gà thịt thả vườn là gì? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?

11. Trình bày kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt thả vườn.

12. Em nghĩ thế nào về ý kiến "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" cho vật nuôi

+ GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+GV yêu cầu đại điện các nhóm trình bảy kết quả thảo luận.

+ GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 12*

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# CHƯƠNG 6: NUÔI THỦY SẢN

## **BÀI 12: NGÀNH THỦY SẢN Ở VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam.

- Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh haot những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng thảo luận, vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của bản thân, phối hợp với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhận thức được vai trò của việc nuôi thuỷ sản để tạo thực phẩm sạch, an toàn cung cấp cho xã hội; nhận biết được một số loài thuỷ sản quan trọng, có giá trị kinh tế cao hiện nay được nuôi ở nước ta,

+ Giao tiếp công nghệ sử dụng một số thuật ngữ về nuôi thuỷ sản để trình bày vai trò của ngành nuôi thuỷ sản đối với nền kinh tế xã hội Việt Nam,

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong hoạt động của ngành môi thuỷ sản trong nền kinh tế. Đánh giá được một số đối tượng thuỷ sản nuôi có giá trị kinh tế cao của Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: có ý thức tìm hiểu về ngành nuôi thuỷ sản của Việt Nam, ý thức học tập, rèn luyện tạo sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước,

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào nghề nuôi thuỷ sản trong đời sống hằng ngày,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về tác động của hoạt động nuôi thuỷ sản đến nền kinh tế của nước ta.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tim hiểu về hoạt động nuôi thuỷ sản ở Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ GV cho HS xem video clip về hoạt động nuôi thuỷ sản, gợi vấn đề về các hoạt động trong ngành thuỷ sản nuôi thuỷ sản, sản xuất thức ăn, chế biến thuỷ sản,... và yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.

+ GV yêu cầu HS kế các hoạt động nuôi thuỷ sản tại địa phương và nêu hiệu quả kinh tế mà ngành thuỷ sản mang lại cho địa phương.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của ngành thuỷ sản trong nền kinh tế Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò quan trọng của ngành thuỷ sản trong nền kinh tế Việt Nam.

**b. Nội dung:** vai trò của ngành thuỷ sản trong nền kinh tế.

**c. Sản phẩm học tập**: tác động của hoạt động nuôi thuỷ sản đến nền kinh tế nước ta.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS mô tả các hoạt động chủ yếu ở Hình 12.1 trong SHS.    + GV phân tích từng hình ảnh để HS nhận biết vai trò của ngành thuỷ sản đối với nền kinh tế Việt Nam  + GV có thể nêu thêm thuỷ sản là nguyên liệu cho ngành Mĩ nghệ (ngọc trai, xả cử, đồi mồi), nguyên liệu cho ngành dược (sản xuất thuốc, dầu gan cá).  + GV yêu cầu HS kể tên các món ăn được chế biến từ thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS giải thích lí do nuôi cá diệt được loăng quăng, bảo vệ môi trường.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao nuôi thuỷ sản ven biển, hải đảo lại góp phần đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vai trò của ngành thuỷ sản trong nền kinh tế Việt Nam**  - Ngành thuỷ sản có vai trò:  + cung cấp thực phẩm cho con người,  + cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm,  + chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác,  + xuất khẩu thu ngoại tệ,  + tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động,  + góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia. |

**Hoạt động 2: Một số nguồn lợi thuỷ sản của Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được nguồn lợi thuỷ sản của Việt Nam.

**b. Nội dung:** các nguồn lợi thuỷ sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

**c. Sản phẩm học tập:** nguồn lợi thuỷ sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt của Việt Nam.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS: Nước ta có những lợi thế gì để phát triển ngành nuôi thuỷ sản?  + GV dẫn dắt HS nêu những lợi thế để phát triển ngành nuôi thuỷ sản và những loại thuỷ sản ở từng vùng nước mặn, nước lợ, nước ngọt.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  Gợi ý: Những lợi thế của Việt Nam về phát triển ngành nuôi thuỷ sản: bờ biển dài, thềm lục địa lớn, sông ngòi, ao hồ nhiều, tôm, cá đa dạng, phong phủ, người Việt Nam cần củ, thông minh,  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Giải thích thêm cho HS về khái niệm môi thâm canh và lợi ích của nuôi thâm canh: Nuôi thâm canh: nuôi ở trình độ kĩ thuật cao, tuân thủ các quy tắc chặt chẽ trong quá trình phát triển và sinh trưởng của đối tượng nuôi: từ chọn giống, thức ăn, mật độ nuôi, hệ thống ao, đầm, cấp thoát nước, sục khí,... bảo đảm điều kiện môi trường phù hợp với đặc điểm sinh lí của thuỷ sản nuôi.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Những lợi thể của Việt Nam về nuôi thuỷ sản nước mặn (đường bờ biển dài, nhiều vinh, hải đảo,...), nước lợ (thuỷ vực nước lợ ven biển, vùng triều, rừng ngập mặn,...), nước ngọt (nhiều sông ngòi, ao hồ, kênh rạch,...). | **2. Một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam**   1. **Một số nguồn lợi thuỷ sản của Việt Nam**   - Thuỷ sản nước mặn: có đường bờ biển dài hơn 3 260 km với vùng đặc quyền kinh tế biển rộng hơn 1 triệu km2. Biển nước ta có nhiều vịnh, hải đảo nên thuận lợi cho việc nuôi nhiều loại thuỷ sản có giá trị như cá biển, tôm hùm, đổi mồi, ngọc trai,...  - Thuỷ sản nước lợ: Thuỷ vực nước lợ ven biển, vùng triều, rừng ngập mặn thuận lợi cho việc nuôi cá lồng bè, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, sở, cua, nghêu, ốc,...  - Thuỷ sản nước ngọt: Hệ thống sông ngòi, kênh rạch, hồ chứa, ao đầm,... là vùng nuôi thuỷ sản nước ngọt quan trọng của nước ta. Một số loại thuỷ sản nước ngọt được nuôi ở Việt Nam nhur: cá tra, cá basa, áả chép, cá mè, cá lăng, cá trắm, cả trôi, cá rô phi, tôm càng xanh, cá bống tượng.... |

**Hoạt động 3: Một số thuỷ sản có giá trị cao ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số loài thuỷ sản coá giá trị cao ở Việt Nam

**b. Nội dung:** nguồn lợi thuỷ sản Việt Nam và một số loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.

**c. Sản phẩm học tập:** một số loài thuỷ sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 12.2 và kể tên các loại thuỷ sản, đặc điểm từng loài và điều kiện môi trường sống.    + GV giúp HS phân tích đặc điểm từng loài, điều kiện sống.  + GV gợi HS nêu được hình thức, mật độ nuôi, môi trường nuôi, hiệu quả nuôi loại thuỷ sản mà gia đình hoặc địa phương hiện đang nuôi.  + GV yêu cầu HS giải thích về các đặc điểm chủ yếu của nuôi thuỷ sản có gì giống và khác so với đặc điểm của chăn nuôi gia súc, gia cầm.  + GV yêu cầu HS trình bày những hiểu biết về hoạt động nuôi cá tra, cá basa. GV có thể giải thích thêm hiện cả tra, cả basa được nuôi nhiều ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đây là hai loài thuỷ sản nuôi chủ lực để sản xuất phi lê thịt cả đông lạnh xuất khẩu.  + GV giới thiệu tôm hùm, các loại cá biển môi trong môi trường nước mặn bằng lồng bè trên các vùng vịnh, eo biển, đặc điểm từng loại và giá trị kinh tế.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  Gợi ý: Ví dụ: tôm càng xanh có đặc điểm vỏ giáp xác, tôm có hai càng to màu xanh, sống ở môi trường nước ngọt (ao, hồ, sông ngòi, ruộng lúa) nên được bà con nông dân nuôi nhiều.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Các loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, tôm hùm), cả nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi, cá chép), cá nước mặn (cả mù, cả bớp, cá chẽm, cả chụm) và các loài thuỷ đặc sản khác.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **b. Một số thuỷ sản có giá trị cao ở Việt Nam**  - Các loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta tôm (tôm sú, tôm thế chân trắng, tôm càng xanh, tôm hùm), cả nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi, cá chép), cá nước mặn (cá mù, cá bớp, cá chẽm, cá chụm) và các loài thuỷ đặc sản khác: cua, ghẹ, nghêu, hàu, tu hài,… |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về vai trò của ngành nuôi thuỷ sản đối với nền kinh tế Việt Nam và xác định được một số loài thuỷ sản có giá trị cao ở nước ta.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS, trả lời câu hỏi:

Câu 1: Nuôi thuỷ sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

Câu 2 Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phủ rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm nh vậy đúng hay sai? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

1. Gợi ý. GV yêu cầu HS phân tích nuôi thuỷ sản có vai trò gì trong nền kinh tế và đời sống xã hội, cho ví dụ và liên hệ ở địa phương.

2. Gợi ý: GV nêu một trưởng hợp thực tế xảy ra với nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khi hoạt động nuôi tôm phát triển hiệu quả, nhiều gia đình đã phủ rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. GV phân tích cho HS nhận ra mặt lợi, mặt hại và hậu quả lâu dài gây ra đối với kinh tế và xã hội.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố các kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để xác định vai trò của ngành nuôi thuỷ sản, nhận biết các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

*Câu 1. Ở địa phương em hiện đang nuôi loại thuỷ sản nào và nuôi theo hình thức nào?*

*Câu 2: Em hãy mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào?*

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu. Hoạt động nuôi thuỷ sản có tác động thể nào đến nền kinh tế của nước ta?

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 13.*

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **BÀI 13: QUY TRÌNH KĨ THUẬT NUÔI THUỶ SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được quy trình kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thuỷ sản phổ biến,

- Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản bằng phương pháp đơn giản

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thuỷ sản trong gia đình và địa phương,

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bảy ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhận thức được vai trò của việc nuôi thuỷ sản để tạo thực phẩm sạch, an toàn cung cấp cho xã hội,

+ Giao tiếp công nghệ sử dụng một số thuật ngữ về phương pháp, kĩ thuật nuôi để trình bày cách nuôi và quy trình thực hiện nuôi một loại thuỷ sản phổ biến,

+ Sử dụng công nghệ sử dụng các công đoạn trong quy trình đã học, phương pháp đo nhiệt độ, độ trong của nước vào thực tiễn nuôi thuỷ sản,

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá hành động hợp li để nuôi một loại thuỷ sản, đánh giả được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi trồng thuỷ sản, hiểu được kĩ thuật nghề nuôi thuỷ sản, tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội,

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng nghề nuôi thuỷ sản trong đời sống hằng ngày,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
* Tìm hiểu các phương pháp, kĩ thuật nuôi thuỷ sản ở địa phương,
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học.

+ Tranh ảnh về môi trường sống của thuỷ sản, thức ăn nuôi thuỷ sản, các hoạt động trong nuôi thuỷ sản,

+ Đoạn video clip về kĩ thuật nuôi một đối tượng thuỷ sản (tôm hoặc cả).

* Chuẩn bị cho tiết thực hành

+ Dụng cụ, thiết bị đo cần thiết,

+ Chuẩn bị phỏng thực hành, Phân chia nhóm HS thực hành

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thuỷ sản đạt hiệu quả cao.

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thuỷ sản đạt hiệu quả cao.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+GV cho HS xem video clip về hoạt động nuôi thuỷ sản, đặt vấn đề về kĩ thuật nuôi thuỷ sản để đạt hiệu quả cao

+ GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của bản thân về các kĩ thuật nuôi, chăm sóc thuỷ sản

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Môi trường nuôi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của môi trường nuôi thuỷ sản.

**b. Nội dung:** một số môi trường nuôi thuỷ sản.

**c. Sản phẩm học tập**: những đặc điểm cơ bản của nước nuôi thuỷ sản.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV minh hoạ hình ảnh một số môi trường nuôi thuỷ sản như trong Hình 13.1 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.    + GV phân tích từng hình ảnh để HS phân biệt mô hình thuỷ sản nuôi trong lồng bè trên sông (nước ngọt), muôi lồng trên biển (nước mặn), nuôi ao đất (nước ngọt), nuôi tôm trong nhà kính (nước lợ).  + GV phân tích những đặc điểm của nước ảnh hưởng trực tiếp đến các loài thuỷ sản, đặc biệt là tôm, cá.  + GV giải thích tác động của mỗi đặc điểm nước đến hoạt động nuôi thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS nêu những biện pháp để cải thiện những bất lợi của môi trường nước đến thuỷ sản.  + GV giải thích thêm nước nuôi thuỷ sản phải phù hợp cho các mô hình nuôi (môi trường nước mặn, lợ, ngọt) và đảm bảo chất lượng môi trường nước như nhiệt độ, độ trong, độ mặn, độ pH, hàm lượng oxygen cho việc nuôi thuỷ sản.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  Ví dụ cần điều chỉnh tỉ lệ thành phần oxygen để tạo môi trường sống thuận lợi cho tôm, cá bằng cách tạo dòng chảy (quạt nước) làm tăng lượng oxygen trong nước.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Nước có đặc điểm: có khả năng hoà tan các chất hữu cơ, vô cơ, nhiệt độ ổn định và điều hoả hơn nhiệt độ trên cạn, thành phần oxygen trong nước thấp và lượng carbon dioxide cao hơn không khi trên cạn.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Môi trường nuôi thuỷ sản**  - Nước có những đặc điểm ảnh hưởng trực tiếp đến các loài thuỷ sản (đặc biệt là tôm, cá) như:  + Có khả năng hoà tan các chất vô cơ và hữu cơ.  + Nhiệt độ của nước ổn định và điều hoà hơn nhiệt độ không khí trên cạn  + - Thành phần khí oxygen thấp và carbon dioxide cao hơn không khí trên cạn.  + Tình trạng chất lượng nước trong ao nuôi được thể hiện qua màu sắc của nước. |

**Hoạt động 2: Thức ăn của thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các loại thức ăn của thuỷ sản

**b. Nội dung:** các loại thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo.

**c. Sản phẩm học tập:** vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng thức ăn nuôi tôm, cá.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV đặt vấn đề: vì sao thức ăn lại ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thuỷ sản.  + GV minh hoa hình ảnh các loại thức ăn nuôi thuỷ sản ở Hình 13.2, 13.3 và 13.4 trong SHS, yêu cầu HS phân biệt và đánh giá ưu, nhược điểm của mỗi loại thức ăn.        + GV giúp HS phân tích từng loại thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, nêu ví dụ về từng loại: thực vật phù du, thực vật đẩy, động vật phù du, động vật đáy.  + GV yêu cầu HS nêu thêm những nguyên liệu khác có thể dùng làm thức ăn được gia đình hoặc địa phương sử dụng khi nuôi tôm, cá.  +GV giải thích về tác dụng của thức ăn ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS nêu những biện pháp để tăng nguồn thức ăn cho tôm, cá nuôi.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **2. Thức ăn của thuỷ sản**  - Thức ăn của tôm, cả gồm hai loại  +Thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong ao, hồ, bao gồm thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du, động vật đáy.  + Thức ăn nhân tạo: là thức ăn do con người tạo ra để cung cấp cho vật nuôi. Có hai loại là thức ăn thỏ và thức ăn viên hỗn hợp. |

**Hoạt động 3: Quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản (tôm, cá)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu quy trình nuôi tôm, cá.

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình kĩ thuật nuôi tôm, cá.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình kĩ thuật nuôi.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV minh hoạ một số hoạt động trong nuôi thuỷ sản ở Hình 13.5, yêu cầu HS thực hiện sắp xếp các hoạt động trong quy trình nuôi thuỷ sản theo thứ tự hợp lí.    + GV gợi mở để HS mô tả các công việc trong quy trình nuôi thuỷ sản.  + GV có thể giải thích thêm mục đích của mỗi công việc, ví dụ phơi ao, bón vôi trước khi nuôi tôm, cả nhằm mục đích diệt côn trùng, địch hại (cua, còng, ốc,...).  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3: Quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản (tôm, cá)**  - Quy trình kĩ thuật nuôi tôm, cả gồm: chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước –> thả con giống → chăm sóc, quản lí → thu hoạch. |

**Hoạt động 4: Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước.

**b. Nội dung:** yêu cầu của ao nuôi, biện pháp xử lí ao nuôi, xử lí nước trước khi thả con giống.

**c. Sản phẩm học tập:** biện pháp chuẩn bị ao môi, xử lí nước nuôi.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở để HS nhận biết tầm quan trọng của việc chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước trước khi thả con giống.  + GV dẫn dắt để HS nêu tên được cách thiết kế ao hợp lí đẩy ao phẳng, dốc nghiêng về cống thoát, có hệ thống cấp và thoát nước tốt,....  + GV gợi mở, dẫn dắt HS nêu được những biện pháp cụ thể để ao nuôi sạch côn trùng, địch hại.  + GV gợi mở để HS nắm rõ các tác nhân gây bệnh, vai trò của thức ăn, đặc biệt là thức ăn tự nhiên ban đầu cho con giống nuôi mới thả, từ đó yêu cầu HS nêu cách xử lí nước nôi để có kết quả tốt.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Ao nuôi phải được thiết kế hợp lí, có hệ thống cấp và thoát nước, trước khi nuôi phải diệt hết địch hại, gây màu nước nhằm tạo điểu kiện cho thức ăn tự nhiên phát triển.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **a. Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước**  - Ao nuôi tôm, cá phải được thiết kế hợp lí, có hệ thống cấp, thoát nước tốt, đáy ao phẳng, dốc nghiêng về cống thoát.  - Trước khi nuôi tôm, cá cần tháo đạn nước ao, phơi khô đáy, diệt côn trùng, địch hại (cá, cua, cổng, ốc,...)  - Tiến hành các biện pháp xử lí nước nhằm tiêu diệt tác nhân gây bệnh bằng các phương pháp vật lí và hoá học. |

**Hoạt động 5: Thả con giống**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu về con giống, cách thả giống.

**b. Nội dung:** tiêu chuẩn con giống thuỷ sản chọn nuôi, kĩ thuật thả con giống và ao nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** tiêu chuẩn con giống và kĩ thuật thả con giống.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở để HS khám phá về cách lựa chọn giống có chất lượng. GV có thể phân tích thêm cách vận chuyển và bảo quản con giống thuỷ sản  + GV yêu cầu HS giải thích vì sao phải ngâm túi đựng giống tôm, cả trong ao nuôi trước khi thả ra, từ đó yêu cầu HS giải thích sự tác động của yếu tố môi trường đến quả trình nuôi, tỉ lệ sống và hiệu quả nuôi thuỷ sản.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Con giống quyết định hiệu quả môi nên phải chọn giống tốt, đảm bảo môi trường để tỉ lệ sống cao. | **b. Thả con giống**  - Tôm, cá làm giống phải khoẻ mạnh, không chứa mầm bệnh, có nguồn gốc rõ ràng. Khi thả nên ngầm túi đựng tôm, cá vào trong ao khoảng 10 – 15 phút để nhiệt độ trong túi cân bằng với nhiệt độ môi trường nước ao nuôi, sau đó mở miệng túi cho nước chảy từ từ vào để tôm, cả tự nhiên bởi ra. |

**Hoạt động 6: Chăm sóc, quản lí**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nêu được các kĩ thuật chăm sóc và quản lí nuôi tôm, cá.

**b. Nội dung:** cách cho ăn, quản lí và phòng, trị bệnh cho tôm, cá.

**c. Sản phẩm học tập:** biện pháp chăm sóc, quản lí khi nuôi tôm, cá

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS nhắc lại giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn, vai trò thức ăn trong nuôi thuỷ sản.  + GV gợi mở giúp HS nhận biết cách cho ăn, quá trình quản lí ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của tôm, cả nuôi.  + GV dẫn dắt HS nêu yêu cầu của thức ăn cho tôm, cá.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao cho tôm, cá ăn ít và nhiều lần lại tránh được việc ô nhiễm môi trường nuôi tôm, cá?  + GV gợi mở, giúp HS phân tích tác dụng của các biện pháp quản lí trong quá trình nuôi tôm, cả.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao phải kiểm tra ao nuôi thường xuyên trong quá trình nuôi tôm, cả?  +GV gợi mở để HS phân biệt được phương pháp phỏng bệnh và phương pháp trị bệnh.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Tôm, cá nuôi phải được chăm sóc, quản lí và cho ăn đầy đủ, thức ăn phải cân đối thành phần, đủ chất dinh dưỡng, trong nuôi phải phòng và trị bệnh để tôm, cá khoẻ mạnh, phát triển tốt. | **c. Chăm sóc, quản lí**  - Cho ăn  + Thức ăn và cách cho ăn: thức ăn phải cân đối thành phần và đủ chất dinh dưỡng cho tôm, cá nuôi. Khi cho ăn phải đảm bảo lượng thức ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm, cá.  + Thời gian cho ăn mỗi ngày cho ăn ít nhất 2 lần vào buổi sáng từ 6 đến 8 giờ, buổi chiều 4 đến 6 giờ. Khi cho ăn nên đáng giờ, đúng số lượng, đúng chất lượng và đúng vị trí cho ăn.  - Quản lí  + Kiểm tra ao nuôi phải thường xuyên kiểm tra bờ, cống, quan sát màu nước, lượng khí oxygen, thức ăn dư và hoạt động của tôm, cá nuôi. Khi phát hiện những bất thường, cần tìm nguyên nhân và xử lí kịp thời.  + Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cả  á: kiểm tra sự tăng trọng của tôm, cá hằng tháng nhằm mục đích đánh giá tốc độ tăng trưởng và điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp  - Phòng và trị bệnh cho tôm, cá: Phòng bệnh là tạo điều kiện cho tôm, cá luôn khoẻ mạnh, sinh trưởng và phát triển bình thường, không bị nhiễm bệnh. |

**Hoạt động 7: Thu hoạch tôm, cá**

**a. Mục tiêu:** giúp HS trình bày được phương pháp thu hoạch tôm, cá.

**b. Nội dung:** các phương pháp thu hoạch tôm, cá

**c. Sản phẩm học tập:** cách thu hoạch tôm, cá.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhận biết tôm, cá đạt kích cỡ thương phẩm khi thu hoạch, gợi mở để HS biết phương pháp thu hoạch từng phần và thu hoạch toàn bộ, yêu cầu HS đánh giá được ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp thu hoạch tôm, cá.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Có hai phương pháp thu hoạch thuỷ sản là thu hoạch từng phần và thu hoạch toàn bộ. | **d. Thu hoạch tôm, cá**  - Có 2 phương pháp thu hoạch thuỷ sản  + Phương pháp thu từng phần thu hoạch những cá thể đã đạt chuẩn thực phẩm, những con còn nhỏ thì giữ lại nuôi tiếp đến khi đạt kích cỡ thương phẩm.  + Phương pháp thu hoạch toàn bộ thu hoạch triệt để toàn bộ tôm, cá trong ao khi đạt tiêu chuẩn thương phẩm. |

**Hoạt động 8: Tính chất của nước nuôi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được tính chất của nước nuôi thuỷ sản.

**b. Nội dung:** yếu tố nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản, giới hạn nhiệt độ, độ trong của nước nuôi tôm, cá, dụng cụ đo nhiệt độ và độ trong của nước.

**c. Sản phẩm học tập:** tính chất và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gợi mở để HS trình bảy được tính chất của nước nuôi thuỷ sản, điều kiện để tôm, cá tăng trưởng tốt.  +GV giới thiệu giới hạn nhiệt độ và độ trong của nước nuôi tôm, cá.  +GV giới thiệu dụng cụ đo nhiệt độ và độ trong của nước nuôi tôm, cả (Hình 13.6, 13,7 và 13.8 trong SHS). Hướng dẫn HS cách sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật      **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Đặc điểm và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi tôm, cá. | **4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản**  **a. Tính chất của nước nuôi thuỷ sản**  - Nhiệt độ của nước tự nhiên phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thời tiết và môi trường của khu vực. Ngoài ra nhiệt độ nước còn phụ thuộc các phản ứng hoá học, sự phân hủy chất hữu cơ trong ao nuôi. Nhiệt độ giới hạn chung phù hợp cho tôm là khoảng 25 – 35 °C và cả là khoảng 20 – 30 °C.  - Độ trong của nước được đo dựa vào độ sâu nhìn thấy đĩa Secchi. Độ trong tốt nhất của nước nuôi tôm, cả đo bằng đĩa Secchi là từ 20 đến 30 cm. |

**Hoạt động 8: Quy trình thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS thực hiện được quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản

**b. Nội dung:** các bước thực hiện và yêu cầu kĩ thuật.

**c. Sản phẩm học tập:** kết quả nhiệt độ, độ trong của mẫu nước nuôi thuỷ sản đo được.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  +GV nêu các bước, yêu cầu kĩ thuật thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản.  +GV thực hiện thao tác mẫu, hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình và yêu cầu HS nhắc lại quy trình thực hành, yêu cầu kĩ thuật.  + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, phân chia nhóm; yêu cầu về thời gian, cách thực hiện, đảm bảo trật tự và an toàn cho thực hành.  +GV gợi mở để HS nắm được quy trình đúng thứ tự các bước và cách đánh giá kết quả  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày. GV đưa ra các tiêu chí đánh giá.    - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **b.Quy trình thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản**  + Quy trình đo nhiệt độ của nước nuôi thuỷ sản nhưng nhiệt kế xuống thủng chứa mẫu nước, để khoảng 5 – 10 phút → Nâng nhiệt kể lên, để nghiêng nhiệt kể và đọc kết quả.  + Quy trình đo độ trong của nước nuôi thuỷ sản thả từ từ đĩa Secchi xuống nước đến khi không phân biệt được vạch màu trên địa, đọc và ghi giả trị độ sâu lần một trên dãy đo của đĩa  -> Thả đĩa Secchi xuống sâu hơn rồi kéo lên đến khi thấy vạch màu của đĩa, đọc kết quả đo lần hai → Tính độ trong của nước qua kết quả hai lần đo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về các kĩ thuật nuôi thuỷ sản

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Câu 1: Giải thích tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm

Câu 2: Tình huống tôm chết hàng loạt trong quá trình nuôi tôm của gia đình bạn Minh.

*Gia đình bạn Minh ở Bến Tre có đất rộng, điều kiện tự nhiên rất phù hợp để nuôi tôm sứ nên đã cải tạo thành ao nuôi tôm sú. Ba vụ đầu nuôi đạt kết quả tốt, thu lãi lớn. Sau thu hoạch, gia đình tranh thủ mua giống, thả nuôi ngay, kết quả từ vụ thứ tư tôm bị nhiễm bệnh và chết hàng loạt, gia đình không hiểu nguyên nhân vì sao. Em hãy vận dụng những hiểu biết về kĩ thuật nuôi để giải thích và đề xuất giải pháp khắc phục.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV yêu cầu HS quan sát quạt nước, hoạt động của quạt nuớc trong đầm nuôi tôm tử hình ảnh hoặc video clip. Sau đó, GV dẫn dắt HS phân tích tác dụng của quạt nước, từ đó yêu cầu HS giải thích tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

1. Khi nuôi tôm thâm canh ở mật độ cao, bắt buộc phải sử dụng quạt nước để tạo dòng chảy làm thay đổi nhiệt độ nước nuôi (trên và dưới), gồm các chất hữm cơ, bản, phân, thức ăn dư thira vào hổ xi-phông và hút ra ngoài theo ống xả đây, đặc biệt quạt nước tạo oxygen cung cấp dưỡng khi trong ao cho tôm nuôi.

2. Khi không thực hiện đúng quy trình kĩ thuật nuôi, kết hợp với việc trong ao nuôi không được xử lí trước khi thả nuôi lửa mới dẫn đến tích trữ các tác nhân gây bệnh → phải thực hiện đúng quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản, đặc biệt chú ý hoạt động cải tạo ao, xử lí nước và phỏng bệnh cho tôm, cá khi môi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức nuôi tốm, cá trong thực tiễn cuộc sống gia đình và địa phương.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

*1. Em hãy tìm hiểu xem ở địa phương nơi em ở đang nuôi loại thuỷ sản nào và sử dụng loại thức ăn gì. Từ đó, hãy đánh giá ưu và nhược điểm của loại thức ăn mà địa phương em đang sử dụng để nuôi thuỷ sản.*

*2. Nếu gia đình em tham gia hoạt động nuôi thuỷ sản, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, em sẽ nuôi loại cá, tôm nào để đạt hiệu quả cao? Hãy giải thích lí do em chọn loại thuỷ sản đó.*

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 14.*

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **BÀI 14: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THUỶ SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được vai trò và biện pháp bảo vệ môi trưởng, nguồn lợi thuỷ sản,

- Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc bảo vệ môi trường, nguồn lợi thuỷ sản ở địa phương;

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, ý thức bảo vệ môi trường, nguồn lợi thuỷ sản, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ nhận thức được vai trò của môi trường, nguồn lợi thuỷ sản, các biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thuỷ sản,

+ Sử dụng công nghệ sử dụng các biện pháp đã học vào thực tiễn để bảo vệ môi trưởng nguồn lợi thuỷ sản ở địa phương,

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá hành động hợp lí để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước có ý thức tham gia vào việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản của đất nước,

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào việc bảo vệ môi trưởng và nguồn lợi thuỷ sản trong đời sống hằng ngày,

- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ, phản đối những hành vi xâm hại môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
* Tìm hiểu các phương pháp, kĩ thuật bảo vệ môi trưởng, nguồn lợi thuỷ sản ở địa phương,
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh ảnh về ô nhiễm môi trường, các kĩ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

+ Đoạn video clip về các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

**b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ GV yêu cầu HS cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

+ GV đặt tỉnh huống. Từ môi trường nước môi bị ô nhiễm, tôm, cả có bị nhiễm bệnh không? Nếu con người ăn tôm, cả nhiễm bệnh thì tác hại như thế nào?

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò của việc bảo vệ môi trưởng và nguồn lợi thuỷ sản

**b. Nội dung:** các yếu tố tác động tới nguồn lợi thuỷ sản, vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

**c. Sản phẩm học tập**: vai trò của bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS phân tích các hiện tượng và hành động được minh hoạ trong Hình 14.1 có tác động xấu tới môi trường và nguồn lợi thuỷ sản như thế nào.    +GV có thể gợi mở giúp HS nhận biết rõ tác hại của các hoạt động trên, ví dụ: Nước thải chưa xử lí có tác hại gì?  + GV phân tích việc nuôi trồng thuỷ sản không đúng quy trình, cho thức ăn quá nhiều sẽ làm ô nhiễm nước nuôi, phá hoại rừng ngập mặn, biến đổi khí hậu,... gây ảnh hưởng tới môi trường và tác động xấu đến sức khoẻ con người.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  + Nước thải chưa xử lí sữ ảnh hưởng: gây ô nhiễm môi trường; làm tôm, cá nhiễm khuẩn, tích tụ các độc tố; nếu nước ô nhiễm mức độ cao sẽ làm chết tôm, cả gây thiệt hại kinh tế, sản phẩm tôm, cá có chất độc khi con người ăn phải sẽ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1: Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản**  - Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản nhằm đảm bảo thuỷ sản sinh trưởng, phát triển tốt, không bệnh tật, tạo thực phẩm sạch, đồng thời góp phần bảo tồn nguồn lợi thuỷ sản và bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất. |

**Hoạt động 2: Bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

**b. Nội dung:** xử lí và quản lí nguồn nước

**c. Sản phẩm học tập:** các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 14.2 và trả lời câu hỏi trong SHS: Các hoạt động được minh họa trong Hình 14.2 góp phần bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản như thế nào?      + GV gợi ý HS phân tích để làm rõ tại sao mỗi hoạt động lại có tác dụng bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS giải thích lí do phải xây dựng ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trưởng và nguồn lợi thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS suy nghĩ và liên hệ bản thân. Là một học sinh, em cần phải làm gì để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Các biện pháp bảo vệ môi trường thuỷ sản như: xử lí nguồn nước, lí môi trường nuôi. | **2. Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản**  **a. Bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản**  - Xử lí nguồn nước: Có 2 phương pháp sau:  + Lắng (lọc): dùng hệ thống ao lắng, ao phụ để chứa nước, sau khoảng 2 – 3 ngày, các tạp chất lắng đọng dưới đáy ao, phần nước sạch phía trên được đưa vào ao chính để nuôi tôm, cá,  + Dùng hoá chất nhurelovin (nồng độ khoảng 0,1–0,2mg/L), dona vôi (CaOCl, nồng độ 2%), fool (nong đó 29%) để diệt khuẩn  - Quản lí nguồn nước.  + Cấm huỷ hoại các sinh vật cảnh đặc trưng, bãi đẻ, nơi sinh sống của động vật đáy.  + Quy định nồng độ tối đa của hoá chất, chất độc hại có trong môi trường nuôi thuỷ sản  - Quản lí và xét là chất thải, xử lí nước thải trong môi trường nuôi thuỷ sản đúng quy định. |

**Hoạt động 3: Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản

**b. Nội dung:** sử dụng mặt nước nuôi hợp lí, không đánh bắt huỷ diệt, ứng dụng tiến bộ kĩ thuật trong quá trình nuôi.

**c. Sản phẩm học tập:** có ý thức và biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS xem video clip về bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, đặt câu hỏi: Vì sao muốn phát triển thuỷ sản hiệu quả, bền vững thủ phải hạn chế sự ô nhiễm và nuôi thuỷ sản đúng kĩ thuật?  <https://www.youtube.com/watch?v=St74eQJByWI>  + GV giải thích thêm về biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản như sử dụng mặt nước nuôi thuỷ sản một cách hợp lí, nghiêm cấm đánh bắt bằng phương pháp huỷ diệt, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong chọn lọc giống, thức ăn, kĩ thuật nuôi, xử lí môi trường và phòng trừ dịch bệnh tốt.  + GV khuyến khích HS thực hiện và vận động cộng đồng cùng thực hiện các hành động như không xả rác, nước thải, đánh bắt huỷ diệt, quý trọng tài nguyên, thả các loài thuỷ sản quý hiếm vào môi trường nước. HS có thể thảo luận nhóm và mới đại diện nhóm lên thuyết trình.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: Các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản là sử dụng mặt nước nuôi thuỷ sản hợp lí, nghiêm cấm đánh bắt huỷ diệt, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong nuôi thuỷ sản, có ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản, tăng cường bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **b. Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản**  – Sử dụng mặt nước nuôi thuỷ sản một cách hợp lí, hiệu quả, bền vững. Nghiêm cấm đánh bắt bằng phương pháp huỷ diệt như đánh bắt thuỷ sản trong mùa sinh sản, dùng xung điện, chất nổ, hoá chất, lưới mắt nhỏ,...  - Ứng dụng các tiến bộ khoa học trong cải tiến, chọn lọc giống, thức ăn, kĩ thuật nuôi, xử lí môi trưởng và phòng trừ dịch bệnh tốt.  - Có ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.  - Thả các loài thuỷ sản quý hiếm vào môi trường nước để tăng nguồn lợi và ngăn chặn giảm sút trữ lượng, tăng cường bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hiểu rõ hơn kiến thức về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Câu 1. Khi sử dụng thúc ăn không đúng lượng sẽ gây hậu quả gì cho thuỷ sản và môi trưởng nước nuôi thuỷ sản?

Câu 2. GV gợi mở tác dụng của hoạt động “Thả cá bản địa, quý hiểm về thiên nhiên”.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

1. Thức ăn giàu đạm, khi dư thừa sẽ hoà tan dinh dưỡng vào môi trường nước, tạo điều kiện cho tảo phát triển, các hợp chất hữu cơ lắng xuống đáy ao, làm nước ô nhiễm, thiếu oxygen dẫn đến tôm, cả nuôi dễ bị nhiễm bệnh.

2. Tái tạo nguồn lợi thuỷ sản, bảo tồn động vật quý hiếm, tăng cường bảo tồn, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái. Qua đó liên hệ các hoạt động này ở địa phương HS và hình thành ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố các kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

**b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Nếu tham gia nuôi thuỷ sản, gia đình em sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như thế nào để góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm nước

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước Dự án 3*.*

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **DỰ ÁN 3: KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC THUỶ SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về nuôi thuỷ sản để hình thành ý tưởng nuôi dưỡng, chăm sóc thuỷ sản,

- Lập được kế hoạch, tỉnh chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp,

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc lập kế hoạch và tính chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thuỷ sản.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào hoàn thành dự án nuôi dưỡng, chăm sóc thuỷ sản,

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo phân tích được tình huống, tỉnh chi phi nuôi và chăm sóc thuỷ sản. Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức công nghệ: nhận thức được các yêu cầu khi lập kế hoạch nuôi thuỷ sản;

+ Đánh giá công nghệ nhận xét, đánh giá kế hoạch hợp lí để nuôi một loại thuỷ sản, xác định chỉ phủ và hiệu quả nuôi thuỷ sản.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi tôm, cả; hiểu được nghề nuôi thuỷ sản, tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, –

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện dự án.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.
* Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,
* Chuẩn bị tài liệu giảng dạy SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
* Dự kiến phân chia HS trong lớp thành các nhóm,
* Mô hình nuôi tôm, cá quy mô nhỏ (tranh ảnh hoặc video clip); – Địa chỉ trang web hỗ trợ thực hiện dự án

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.
* Nghiên cứu các mô hình nuôi thuỷ sản,
* Giấy, bút, máy tính cầm tay, …
* Thiết bị hỗ trợ máy tính có kết nối internet;
* Tài liệu hướng dẫn quy trình và kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc thuỷ sản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề, mục tiêu dự án, xác định các nhiệm vụ phải thực hiện.

**b. Nội dung:** chủ đề dự án, mục tiêu dự án, nhiệm vụ của dự án.

**c. Sản phẩm học tập:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ GV nêu chủ để dự án, mục tiêu dư án nhiệm vụ của dự án.

+ GV nêu các yêu cầu và nội dung mà HS cần thực hiện của dự án.

+ GV nêu các yêu cầu về nhiệm vụ và thời gian thực hiện.

+ GV nêu các tiêu chỉ đánh giá kết quả dự án.

+ GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện.

+ GV có thể giới thiệu một kế hoạch mẫu để HS tham khảo.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

+ Mục tiêu: Lập kế hoạch, tỉnh toán chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp.

+ Nhiệm vụ

* Lựa chọn đối tượng thuỷ sản môi phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương,
* Lựa chọn hình thức nuôi (nuôi trong ao, nuôi trong bể,...) và diện tích nuôi,
* Tìm hiểu kĩ thuật nuôi, thời vụ, cách chăm sóc và quản lí đối tượng thuỷ sản nuôi,
* Lập kế hoạch cho việc môi và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn,
* Tính chi phí cho việc nuôi và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn (Ví dụ: ao nuôi diện tích100 m thì lập kế hoạch và tính toán số lượng giống, thức ăn trên diện tích 100 m3).

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

**c. Sản phẩm học tập**: kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án, bảng tính chi phí cho toàn bộ dự án.

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu các nhóm HS lựa chọn một đối tượng nuôi cụ thể, ví dụ nuôi cả lóc, cá rô phi hay tôm sú. Lựa chọn mô hình, mật độ nuôi, số lượng cá thể nuôi, lượng thức ăn theo yêu cầu của dự án (nên chọn diện tích nuôi tối đa khoảng 100 m2 để HS dễ tính toán và thực hiện dự án).  + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận và lập kế hoạch thực hiện  • Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án,  • Lập kế hoạch về mốc thời gian, các công việc cụ thể,  • Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1: Xây dựng kế hoạch**  - Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành. |

**Hoạt động 2: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án.

**b. Nội dung:** lập kế hoạch và tính chi phi nuôi dưỡng, chăm sóc loại thủy sản đã chọn

**c. Sản phẩm học tập:** bảng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại thuỷ sản và bảng chi phi nuôi dưỡng, chăm sóc loại thủy sản đã chọn.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn  +GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.  +GV giới thiệu Bảng DA3. Quy trình công nghệ nuôi thuỷ sản trong SHS để các nhóm HS xây dựng kế hoạch nuôi thuỷ sản. GV có thể phân tích thêm để HS hiểu rõ đối tượng nuôi, kĩ thuật nuôi và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.      + GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng HS trong nhóm  + GV hỗ trợ các nhóm HS tự giảm sát, quản lí quá trình thực hiện dự án của nhóm.  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày:  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. | **2: Thực hiện dự án**  - Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung, công việc cần làm, thời gian thực hiện, dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung: tính chi phi của từng loại (con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi) và tổng số tiền.  - Quy trình công nghệ nuôi thuỷ sản:  + Chuẩn bị ao nuôi, sử lí nước  + Thả con giống  + Chăm sóc, quản lí  + Thu hoạch. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** tổ chức cho HS báo cáo kết quả theo nhóm, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả của dự án

**b. Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản và bảng tính chi phi nuôi dưỡng và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bản báo cáo kế hoạch nuôi một loại thuỷ sản,

- Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại thuỷ sản đã chọn.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gồm có

+ Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình theo mẫu:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Giới thiệu  • Loại thuỷ sản chọn nuôi,  • Hình thức nuôi;  • Diện tích nuôi;  • Điều kiện nuôi và chăm sóc.  2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Công việc cần làm | Thời gian thực hiện | Dụng cụ, vật liệu cần thiết | Ghi chú | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  | |

+ Báo cáo bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi theo mẫu:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Các loại chi phí | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| 1 | Vật liệu xử lí ao |  |  |  |  |  |
| 2 | Phân bón |  |  |  |  |  |
| 3 | Con giống |  |  |  |  |  |
| 4 | Thức ăn |  |  |  |  |  |
| 5 | Công chăm sóc |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuốc phòng và trị bệnh |  |  |  |  |  |
| 7 | Các mục khác |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | | | | |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để hoàn thành báo cáo.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày báo cáo.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức để đánh giá dự án

**b. Nội dung:** Nội dung đánh giá

**c. Sản phẩm học tập:** kết quả đánh giá

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS đánh giá dự án các nhóm: *Sản phẩm dự án được đánh giá theo các tiêu chí sau:*

*+ Cấu trúc bài báo cáo đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết, chi phí hợp lí,*

*+ Trình bày kết quả dự án trước lớp: diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.*

*-* GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.

- Đọc và tìm hiểu trước Ôn tập chương 6.

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **ÔN TẬP CHƯƠNG 6**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức đã học về nuôi thuỷ sản: ngành thuỷ sản ở việt Nam, kĩ thuật nuôi thuỷ sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

-Vận dụng những kiến thức đã học ở Chương 6 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề nuôi thuỷ sản.

**2. Năng lực**

- ***Năng lực chung:***

+Tự chủ và tự học chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn,

+ Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học. thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cả nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***- Năng lực công nghệ:***

+ Nhận thức đúng và biết vận dụng kiến thức ở chương 6 vào thực tiễn

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Công nghệ 7.
* Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

* SGK,
* Đọc trước bài học trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Hãy trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã học ở chương 46.

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã học ở chương 6.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động : Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 6**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 6.

**b. Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 6

+ Vai trò của ngành thuỷ sản, một số loài thuỷ sản có gía trị kinh tế cao ở việt Nam

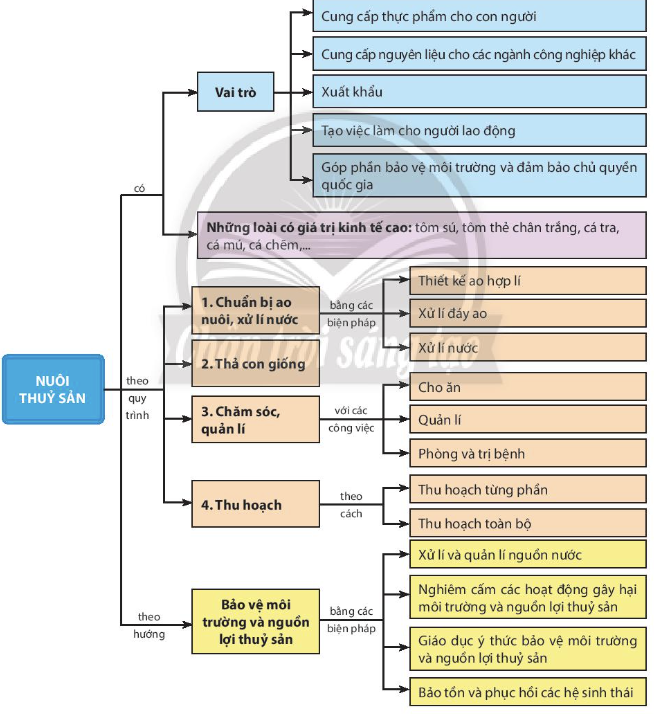
+ Kĩ thuật nuôi thuỷ sản

+ Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng của Chương 6

**d. Tổ chức hoạt động :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 6  + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chương 6 trong SHS GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài học.  + GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của Chương 6  **Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:  - GV chuyển sang nội dung mới. | **Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 6**  sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng của Chương 6 |

****

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 6

**b. Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.

**c. Sản phẩm học tập:** đáp án cho các câu hỏi và bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.

1. Việc xử lí ao nuôi thuỷ sản nhằm mục đích gì? Những hộ nuôi tôm, cá ở địa phương em hoặc khu vực lân cận thường xử lí ao, hồ nuôi theo cách nào?

2. Trình bày sự khác nhau giữa thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo.

3. Vì sao phải chia nhỏ thức ăn cho tôm, cá để cho ăn nhiều lần? Vì sao phải cho ăn đúng giờ, đúng số lượng, đúng chất lượng và đúng vị trí cho ăn?

4. Trong quá trình nuôi tôm, cá, vì sao phải coi trọng công tác phòng và trị bệnh?

5. Hãy trình bày các phương pháp thu hoạch tôm, cá. Cho biết ưu, nhược điểm của mỗi phương pháp.

6. Mô tả phương pháp thu hoạch tôm, cả mà em đã quan sát thấy trong thực tế.

7. Trình bày quy trình đo nhiệt độ và độ trong của nước.

8. Cho biết các nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

9. Hãy nêu các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản.

10. Em hãy đề xuất 3 biện pháp bảo vệ hệ sinh thái và nguồn lợi thuỷ sản có thể áp dụng tại địa phương của em

+ GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+GV yêu cầu đại điện các nhóm trình bảy kết quả thảo luận.

+ GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Công nghệ 7.